

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

BÌNH LỢI TRUNG

(Đề tham khảo)

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II
NĂM HỌC 2023-2024

MÔN TOÁN LỚP 6

Thời gian 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây :

Câu 1. Cho $x + \frac{1}{2} = \frac{1}{6}$. Kết quả giá trị x là:

- A. $-\frac{1}{3}$ B. $\frac{1}{4}$ C. $\frac{1}{3}$ D. $\frac{2}{3}$

Câu 2. Cho $\frac{1}{5} - x = \frac{-3}{10}$. Kết quả giá trị x là :

- A. $-\frac{1}{2}$ B. $-\frac{1}{10}$ C. $\frac{1}{2}$ D. $\frac{1}{10}$

Câu 3. Tính giá trị $\frac{1}{4}$ của -80 là:

- A. 20 B. -20 C. -76 D. 76

Câu 4. Tìm một số biết $\frac{2}{5}$ của nó là -40

- A. Số đó là 100 B. Số đó là 16 C. Số đó là -100 D. Số đó là 8

Câu 5. phân số bằng phân số $\frac{2}{7}$ là:

- A. $\frac{7}{2}$ B. $\frac{4}{14}$ C. $\frac{25}{75}$ D. $\frac{4}{49}$

Câu 6. Chữ cái nào có tâm đối xứng?

A G O

- A. Chữ có tâm đối xứng là: O
- B. Chữ có tâm đối xứng là: G
- C. Chữ có tâm đối xứng là: A;O
- D. Chữ có tâm đối xứng là: A

Câu 7. Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A.Hình 1

B.Hình 2

C.Hình 3

D.Hình 4

Câu 8. Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

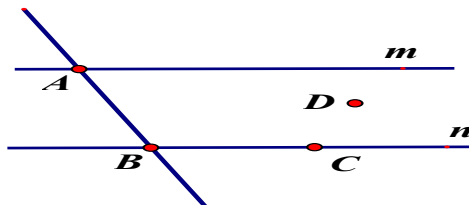
A.Hình 1

B.Hình 2

C.Hình 3

D.Hình 4

Câu 9: Cho hình vẽ sau.



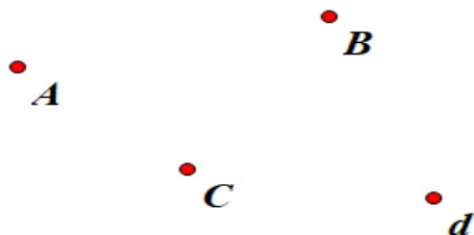
Đường thẳng n đi qua điểm nào?

A. Điểm A

B. Điểm B và điểm C

C. Điểm B và điểm D D. Điểm D và điểm C

Câu 10. Cách kí hiệu điểm nào dưới đây là sai

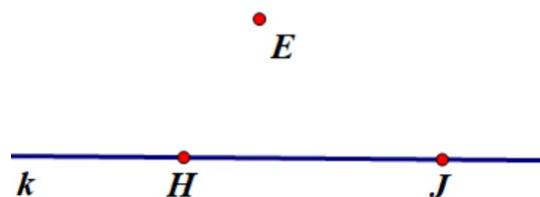


A. Điểm A B. Điểm B C. Điểm C D. Điểm d

Câu 11. Qua hai điểm A và B cho trước có bao nhiêu đường thẳng?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 12. Cho hình vẽ



Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

A. $H \notin k$

B. $J \notin k$

C. $E \in k$

D. $E \notin k$

Phần 2. Tự luận (7 điểm)

Bài 1. (1,0 đ) So sánh hai phân số : $\frac{7}{8}$ và $\frac{5}{12}$

Bài 2. (1,5 đ) Tính :

a. $\frac{1}{3} - \frac{3}{5} + \frac{8}{15}$

b. $\frac{5}{7} : \frac{5}{4} - \frac{3}{4}$

c. $\frac{4}{9} \cdot \frac{-13}{17} + \frac{-2}{17} \cdot \frac{4}{9} + \frac{4}{9} \cdot \frac{-2}{17}$

Bài 3. (1,0 đ) Lớp 6A có 42 học sinh. Tổng kết cuối năm học, lớp 6A có $\frac{4}{21}$ số học

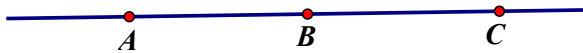
sinh đạt loại giỏi, $\frac{3}{4}$ số học sinh còn lại đạt loại khá, không có học sinh yếu kém.

Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh giỏi ?Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh trung bình?

Bài 4. (1,0 đ) Bạn Ý đọc cuốn truyện tranh trong 3 ngày, biết ngày thứ nhất đọc $\frac{1}{3}$ số trang. Ngày thứ hai đọc $\frac{2}{5}$ số trang còn lại, ngày thứ ba đọc nốt 120 trang. Hỏi cuốn truyện tranh có bao nhiêu trang?

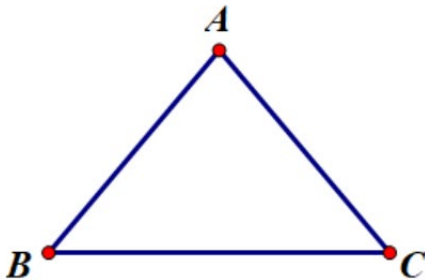
Bài 5. (1,0đ) Cho hình vẽ sau:

•D



- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa 2 điểm A và C.
- Kể tên một tia gốc A.

Bài 6. (1,0đ) Cho hình vẽ sau:



- Hãy vẽ trục đối xứng của tam giác ABC cân tại A.
- Hãy tìm tâm đối xứng của hình chữ nhật MNPQ.

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II – TOÁN 6

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	C	B	C	B	A	C	A	B	D	A	D

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (1,0 điểm) So sánh hai phân số : $\frac{7}{8}$ và $\frac{5}{12}$	
	$\frac{7}{8} = \frac{7.3}{8.3} = \frac{21}{24}$ $\frac{5}{12} = \frac{5.2}{12.2} = \frac{10}{24}$ Vì $\frac{21}{24} > \frac{10}{24}$ Nên $\frac{7}{8} > \frac{5}{12}$	0,25x2 0,25x2
2	Bài 2. (2,0 điểm) a. $\frac{1}{3} - \frac{3}{5} + \frac{8}{15}$ b. $\frac{5}{7} : \frac{5}{4} - \frac{3}{4}$ c. $\frac{4}{9} \cdot \frac{-13}{17} + \frac{-2}{17} \cdot \frac{4}{9} + \frac{4}{9} \cdot \frac{-2}{17}$	
2a	a. $\frac{1}{3} - \frac{3}{5} + \frac{8}{15}$ $= \frac{5}{15} - \frac{9}{15} + \frac{8}{15}$ $= \frac{4}{15}$	0,25 0,25
2b	b. $\frac{5}{7} : \frac{5}{4} - \frac{3}{4}$	

	$= \frac{5}{4} - \frac{3}{4}$ $= \frac{1}{2}$	0,25
		0,25
2c	$\text{c. } \frac{4}{9} \cdot \frac{-13}{17} + \frac{-2}{17} \cdot \frac{4}{9} + \frac{4}{9} \cdot \frac{-2}{17}$ $= \frac{4}{9} \cdot \left(\frac{-13}{17} + \frac{-2}{17} + \frac{-2}{17} \right)$ $= \frac{4}{9} \cdot -1$ $= \frac{-4}{9}$	0,5
		0,25
3	Bài 3. (1,0 đ) Lớp 6A có 42 học sinh. Tổng kết cuối năm học, lớp 6A có $\frac{4}{21}$ số học sinh đạt loại giỏi, $\frac{3}{4}$ số học sinh còn lại đạt loại khá, không có học sinh yếu kém. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh giỏi ?Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh trung bình?	
	Số học sinh giỏi là: $42 \cdot \frac{4}{21} = 8$ (học sinh) Số học sinh còn lại: $42 - 8 = 32$ (học sinh) Số học sinh đạt loại khá là: $\frac{3}{4} \cdot 32 = 24$ (học sinh) Số học sinh trung bình là: $42 - 8 - 24 = 8$ (học sinh)	4x0.25
4	Bài 4. (1,0 đ) Bạn Ý đọc cuốn truyện tranh trong 3 ngày, biết ngày thứ nhất đọc $\frac{1}{3}$ số trang. Ngày thứ hai đọc $\frac{2}{5}$ số trang còn lại, ngày thứ ba đọc nốt 120 trang. Hỏi cuốn truyện tranh có bao nhiêu trang?	
	Phân số chỉ số trang còn lại sau ngày thứ nhất là:	4x0,25

	$1 - \frac{1}{3} = \frac{2}{3}$ (số trang) Phân số chỉ số trang đọc ngày thứ 2 là: $\frac{2}{5} \cdot \frac{2}{3} = \frac{4}{15}$ (số trang) Phân số chỉ số trang đọc ngày thứ 3 là: $1 - \frac{1}{3} - \frac{4}{15} = \frac{2}{5}$ (số trang) Số trang của cuốn truyện tranh là: $120 : \frac{2}{5} = 300$ (trang)	
5	Kể đúng mỗi câu 0,25đ	4.0,25
6	Vẽ mỗi câu đúng 0,5đ	2x0,5

I/ TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các cặp phân số sau, cặp phân số nào bằng nhau?

A. $\frac{1}{2}$ và $\frac{2}{-4}$.

B. $\frac{2}{3}$ và $\frac{-4}{6}$.

C. $\frac{3}{7}$ và $\frac{-9}{-21}$.

D. $\frac{2}{-3}$ và $\frac{-3}{2}$.

Câu 2. Tâm đối xứng của hình tròn là:

A. Tâm của đường tròn.

B. Một điểm bất kì nằm bên trong đường tròn.

C. Một điểm bất kì nằm trên đường tròn.

D. Một điểm bất kì nằm bên ngoài đường tròn.

Câu 3. Giá trị của $\frac{2}{5}$ của -20 là:

A. -5 .

B. -8 .

C. -10 .

D. -15 .

Câu 4. Số đối của -18 là:

A. 18

B. -18

C. $-(-18)$

D. A và C đều đúng

Câu 5. Nếu ta chia cả tử và mẫu của một phân số với cùng một ... (1)... khác 0 thì ta được một phân số mới ...(2)...phân số đã cho.

A. (1) số; (2) lớn hơn

B. (1) số tự nhiên; (2) nhỏ hơn

C. (1) số nguyên; (2) bằng

D. (1) phân số; (2) bằng

Câu 6. Cho hình vẽ sau:



Chọn đáp án sai.

A. Điểm B nằm giữa A và C.

B. Điểm B nằm giữa A và D.

C. Điểm C nằm giữa A và B.

D. Điểm C nằm giữa D và A.

Câu 7. Hình nào sau đây không có trục đối xứng:



1



2



3



4

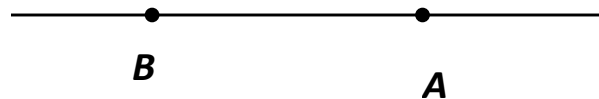
A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 8. Cho hình vẽ sau



Chọn khẳng định sai trong các khẳng định sau :

A. Điểm A nằm trên đường thẳng AB.

B. Điểm B thuộc đường thẳng AB.

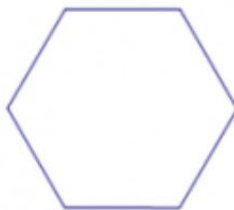
C. BA là một đường thẳng.

D. AB không là một đường thẳng.

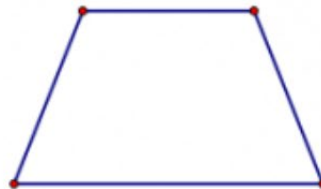
Câu 9. Hình nào sau đây không có tâm đối xứng:



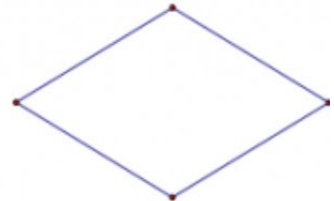
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

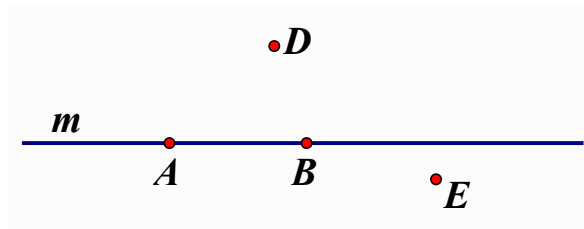
A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 10. Cho hình vẽ



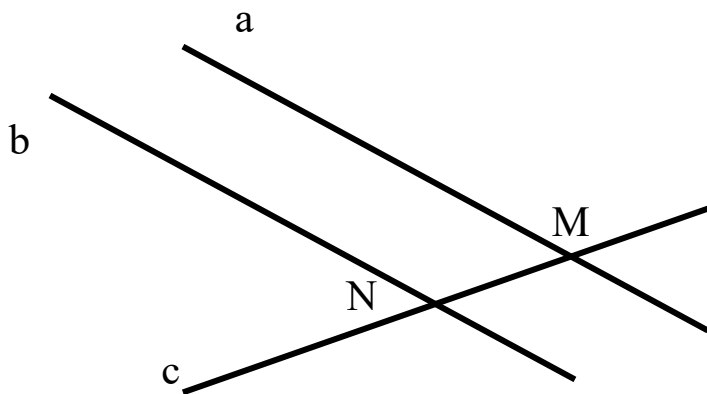
Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

- A. $B \notin m$
- B. $D \in m$
- C. $E \in m$
- D. $A \in m$

Câu 11. Tính diện tích một hình chữ nhật biết chiều dài, chiều rộng của hình chữ nhật đó lần lượt là $\frac{85}{14}$ cm và $\frac{7}{2}$ cm.

- A. $\frac{85}{4}\text{cm}^2$
- B. $\frac{49}{85}\text{cm}^2$
- C. $\frac{67}{7}\text{cm}^2$
- D. $\frac{18}{7}\text{cm}^2$

Câu 12: Cho hình vẽ, chọn phát biểu sai:



- A. Đường thẳng a song song với đường thẳng b
- B. Đường thẳng a cắt đường thẳng c tại điểm M
- C. Đường thẳng c cắt đường thẳng b tại điểm N
- D. Điểm N thuộc đường thẳng a và c

II/ TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm): so sánh 2 phân số $\frac{-17}{18}$ và $\frac{11}{-12}$

Bài 2 (2,0 điểm): tính hợp lý nếu có thể

a) $\frac{-3}{7} + \frac{-4}{7} \cdot \left(\frac{-5}{2}\right)$

b) $\frac{9}{5} \cdot \frac{-4}{11} + \frac{9}{5} \cdot \frac{7}{-11}$

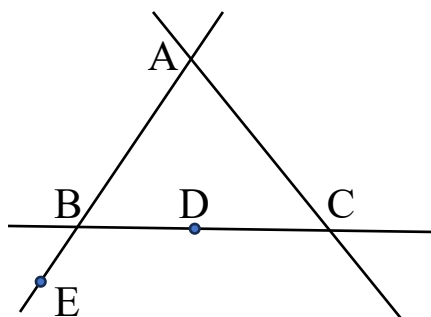
c) $\left(\frac{15}{17} + \frac{29}{24}\right) - \left(\frac{5}{24} - \frac{2}{17}\right)$

Bài 3 (1,0 điểm): Quãng đường từ TPHCM đến Đà Lạt dài khoảng 300 km. Đến trạm dừng chân số 4 thì xe khách đi được $\frac{2}{3}$ quãng đường. Tính quãng đường xe khách đã đi được?

Bài 4 (1,0 điểm): Bạn Gấu để dành tiền tiết kiệm trong 1 tháng để đóng góp quỹ “Vì biển đảo thân yêu”. Tuần thứ 1 và tuần thứ 2 bạn đạt được $\frac{2}{5}$ kế hoạch.

Tuần thứ 3 bạn đạt $\frac{1}{4}$ kế hoạch. Tuần còn lại bạn để dành được 21 ngàn đồng là đúng kế hoạch. Tính số tiền bạn Gấu để dành được?

Bài 5 (1,0 điểm): Vẽ lại hình vào giấy làm bài và trả lời những câu hỏi sau:



a/ Kể tên 1 bộ 3 điểm thẳng hàng?

b/ Kể tên 1 bộ 3 điểm không thẳng hàng?

c/ Nêu tên điểm nào nằm giữa điểm A và E?

d/ Nêu tên 1 tia gốc D?

Bài 6 (1,0 điểm): Hs vẽ hình và thực hiện theo yêu cầu:

a/ Xác định trục đối xứng của hình chữ nhật ABCD.

b/ Xác định tâm đối xứng O của hình thoi MNPQ.

Đề 3 trang

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây :

Câu 1: Các phân số sau ,phân số nào là phân số tối giản

- A. $\frac{13}{5}$ B. $\frac{45}{125}$ C. $\frac{4}{16}$ D. $\frac{49}{14}$

Câu 2: $-\frac{-(7)}{9}$ có số đối là

- A. $\frac{7}{9}$ B. $\frac{9}{7}$ C. $\frac{-9}{7}$ D. $\frac{-7}{9}$

Câu 3: $\frac{11}{12}$ có số nghịch đảo

- A. $\frac{12}{11}$ B. $\frac{-12}{11}$ C. $\frac{-11}{12}$ D. $\frac{11}{12}$

Câu 4: Cho $x - \frac{2}{3} = \frac{1}{4}$. Kết quả giá trị x là:

- A. $\frac{11}{12}$ B. $\frac{12}{11}$ C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{2}{3}$

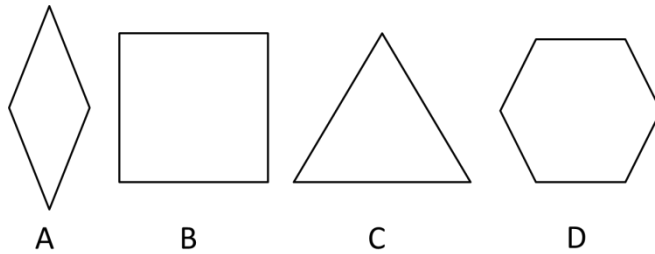
Câu 5: $\frac{1}{6}$ của 36 là:

- A. 18 B. 19 C. 20 D. 6

Câu 6: Tìm một số biết $\frac{2}{7}$ của nó là 22. Số đó là:

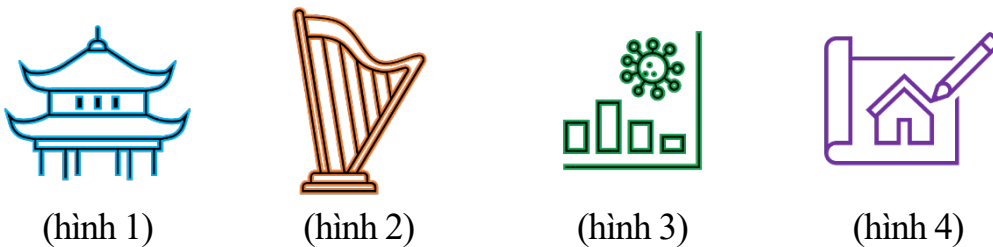
- A. 25 B. 77 C. 15 D. 45

Câu 7: Trong các hình sau, hình nào không có tâm đối xứng?



A.Hình A B.Hình B C.Hình C D.Hình D

Câu 8: Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng ?



A.Hình 1 B.Hình 2 C.Hình 3 D.Hình 4

Câu 9: Chọn khẳng định SAI:

- A. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.
- B. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.
- C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư
- D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

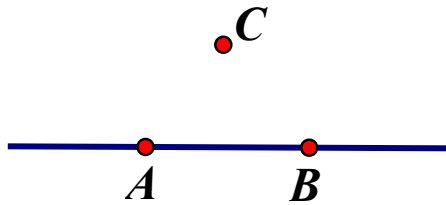
Câu 10: Trong các hình sau, hình nào không có giao điểm?



A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4.

Câu 11: Cho hình vẽ

Đường thẳng trong hình sau có tên là....



- A. AC
- B. AB
- C. BC
- D. ABC

Câu 12: Cho hình vẽ.



Chọn khẳng định SAI:

- A. Tia AC
- B. Tia CA
- C. Tia Ax
- D. Tia Cx

Phần 2. Tự luận (8 điểm)

Bài 1. (1,0đ) So sánh hai phân số : $-\frac{4}{9}$ và $\frac{1}{-2}$

Bài 2. (2,0 đ) Tính :

a) $\frac{5}{3} + \frac{1}{4} \cdot \left(\frac{-20}{6} \right)$

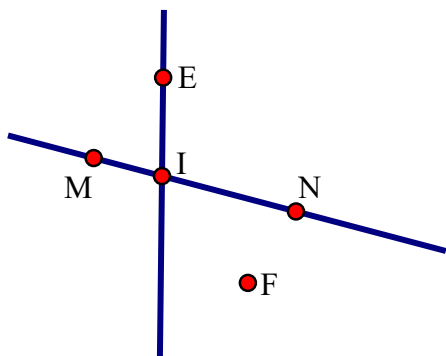
b) $\frac{-7}{13} \cdot \frac{12}{15} + \frac{-7}{13} \cdot \frac{3}{15}$

c) $\left(\frac{1}{5} - \frac{31}{29} \right) - \left(\frac{3}{5} - \frac{31}{29} \right)$

Bài 3. (1đ) Một kho gạo có 1200 tấn. Kho đã xuất ra $\frac{5}{12}$ số gạo. Hỏi kho còn lại bao nhiêu tấn gạo?

Bài 4. (1đ) Một đội công nhân thi công đào một quãng đường. Ngày thứ nhất đào được $\frac{1}{5}$ quãng đường, ngày thứ hai đào được $\frac{1}{10}$ quãng đường còn lại. Biết ngày thứ ba đội đào 288 m đường là xong công việc. Hỏi quãng đường đội công nhân nhận thi công dài bao nhiêu mét?

Bài 5. (1đ) Cho hình vẽ



- a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- c) Điểm nào nằm giữa hai điểm M và N.
- d) Kể tên một tia gốc E.

Bài 6. (1đ)

- a) Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của tam giác đều ABC.
- b) Hãy tìm I là tâm đối xứng của hình chữ nhật DGFE.

HẾT

ĐÁP ÁN

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	D	A	A	D	B	C	A	D	A	B	B

Phần 2: Tự luận

Bài 1: So sánh hai phân số : : $\frac{-4}{9}$ và $\frac{1}{-2}$

Ta có: $\frac{-4}{9} = \frac{-8}{18}$ và $\frac{1}{-2} = \frac{-9}{18}$ 0,5 đ

Vì $-8 > -9$ nên $\frac{-8}{18} > \frac{-9}{18}$ 0,25 đ

Vậy $\frac{-4}{9} > \frac{1}{-2}$ 0,25 đ

Bài 2:

a.
$$\frac{5}{3} + \frac{1}{4} \cdot \left(\frac{-20}{6} \right)$$
$$= \frac{5}{3} + \frac{-5}{6}$$
$$= \frac{10}{6} + \frac{-5}{6}$$
$$= \frac{5}{6}$$
 0,25 đ

b.
$$\frac{-7}{13} \cdot \frac{12}{15} + \frac{-7}{13} \cdot \frac{3}{15}$$
$$= \frac{-7}{13} \cdot \left(\frac{12}{15} + \frac{3}{15} \right)$$
$$= \frac{-7}{13} \cdot \frac{15}{15}$$
$$= \frac{-7}{13} \cdot 1 = \frac{-7}{13}$$
 0,25 đ

c.
$$\left(\frac{1}{5} - \frac{31}{29} \right) - \left(\frac{3}{5} - \frac{31}{29} \right)$$
$$= \frac{1}{5} - \frac{31}{29} - \frac{3}{5} + \frac{31}{29}$$
$$= \left(\frac{1}{5} - \frac{3}{5} \right) + \left(\frac{-31}{29} + \frac{31}{29} \right)$$
 0,25 đ

$$= \frac{-2}{5} + 0 = -\frac{2}{5} \quad 0,25 \text{ đ}$$

Câu 3:

Giải:

$$\text{Số tấn gạo đã xuất ra là: } \frac{5}{12} \cdot 1200 = 500 \quad (\text{tấn}) \quad 0,5 \text{ đ}$$

$$\text{Số tấn gạo còn lại là: } 1200 - 500 = 700 \quad (\text{tấn}) \quad 0,5 \text{ đ}$$

Bài 4.

Giải:

Phần số chỉ quãng đường ngày thứ hai đội công nhân đào được là:

$$\left(1 - \frac{1}{5}\right) \cdot \frac{1}{10} = \frac{2}{25} \quad (\text{quãng đường}) \quad 0,5 \text{ đ}$$

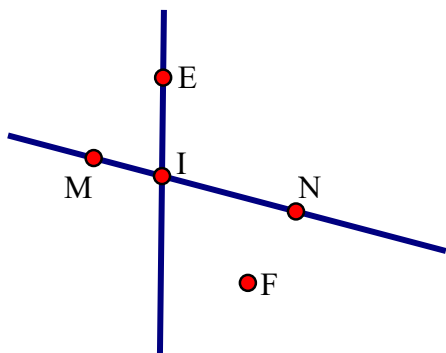
Phần số chỉ quãng đường ngày thứ ba đội công nhân đào được là:

$$1 - \frac{1}{5} - \frac{2}{25} = \frac{18}{25} \quad (\text{quãng đường}) \quad 0,25 \text{ đ}$$

Quãng đường đội công nhân đã làm trong ba ngày là:

$$288 : \frac{18}{25} = 400 \quad (\text{m}) \quad 0,25 \text{ đ}$$

Bài 5. Cho hình vẽ



a) Một bộ ba điểm thẳng hàng: M,I,N 0,25 đ

b) Một bộ ba điểm không thẳng hàng: E,I,N 0,25 đ

c) Điểm nằm giữa hai điểm M và N: điểm I 0,25 đ

d) Một tia gốc E: tia EI. 0,25 đ

Bài 6. (1đ)

a. Xác định đúng đường thẳng d 0,5 đ

b. Xác định đúng điểm I 0,5 đ

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II TOÁN – LỚP 6
NĂM HỌC 2023-2024

T T	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
1	Phân số	Phân số với tử số và mẫu số là số nguyên. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số.				1 Bài 1 1,0					62,5 %
		Các phép tính phân số. Tính chất phép cộng, phép nhân phân số.	1 0,25		2 0,5	2 Bài 2 a,b 1,0	1 Bài 2c 1,0				
		Giá trị phân số của một số.			2 0,5		1 Bài 3 1,0	1 Bài 4 1,0			
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng.	1 0,25			1 B.6 a 0,5					20%
		Hình có tâm đối xứng.	1 0,25			1 B.6 b 0,5					

		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên.	2 0,5								
3	Các hình hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Ba điểm thẳng hàng. Ba điểm không thẳng hàng.	3 0,75	1 Bài 5 1,0						17,5 %	
Tổng số câu			8	1	4	5		2	1	21	
Tổng điểm			2,0	1,0	1,0	3,0		2,0	1,0	10,0	
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%		100 %
Tỉ lệ chung			70%				30%				100 %

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
1	Phân số (16 tiết)	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	2 (TN9 ,12) 0,5đ			1 (TL1) 0,5đ					65
		Các phép tính với phân số			4 (TN1 ,2,3,4) 1,0đ	2 (TL2 a, b) 1,5đ		2 (TL2 c TL3) 2,0đ		1 (TL4) 1,0đ	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong	Hình có trục đối xứng	1 (TN5) 0,25đ	1 (TL6 a) 0,5đ							17,5

	thế giới tự nhiên (9 tiết)	Hình có tâm đối xứng	1 (TN6) 0,25đ	1 (TL6b) 0,5đ							
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	1 (TN7) 0,25đ								
3	Các hình hình học cơ bản (7 tiết)	Điểm, đườn g thẳng, tia	3 (TN8 ,10,1 1) 0,75đ	1 (TL5) 1đ							17,5
Tổng số câu			8	3	4	2		2		1	20
Tổng điểm			2,0	2,0	1,0	2,0		2,0		1,0	10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

Môn: TOÁN – Lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây :

Câu 1. Tìm x biết $x - \frac{2}{5} = \frac{-1}{3}$

A. $\frac{11}{15}$.

B. $\frac{-11}{15}$.

C. $\frac{1}{15}$.

D. $\frac{-1}{15}$.

Câu 2. Tìm x biết $\frac{-5}{2} \cdot x = \frac{3}{54}$. Giá trị của x bằng

A. $\frac{-1}{27}$.

B. $\frac{-1}{18}$.

C. $\frac{-1}{45}$.

D. $\frac{-5}{36}$.

Câu 3. Tìm một số biết $\frac{3}{5}$ của nó là 30. Thì số đó là

A. Số đó là 18

B. Số đó là 12

C. Số đó là 75

D. Số đó là 50

Câu 4. Một hộp có 36 viên phấn; trong đó $\frac{3}{4}$ số viên là phấn trắng. Số viên phấn trắng là :

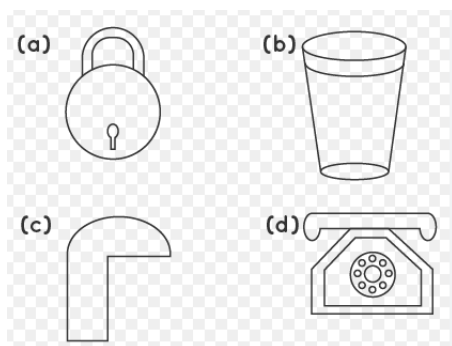
A. 27 viên

B. 48 viên

C. 9 viên

D. 144 viên

Câu 5. Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng ?



A. Hình a), Hình b), Hình c)

C. Cả 4 hình trên

B. Hình a), Hình b), Hình d)

D. Hình b), Hình c), Hình d)

Câu 6. Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

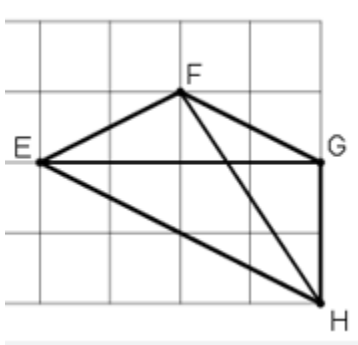
A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 7. Đường thẳng song song với đường thẳng FG là:



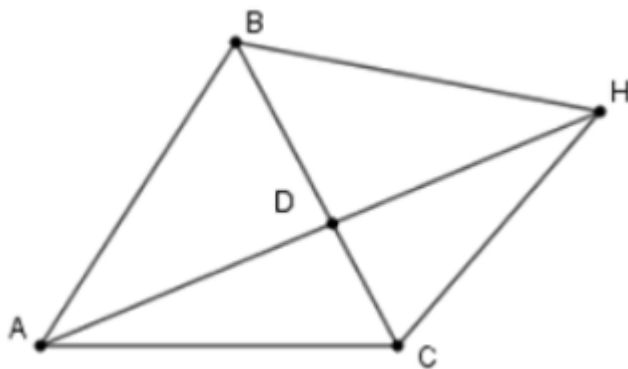
A. Đường thẳng EF

B. Đường thẳng GH

C. Đường thẳng EH

D. Cả 3 đường thẳng trên

Câu 8. Cho hình vẽ sau. Chọn câu **SAI**.



A. Ba điểm B; D; C thẳng hàng

B. Ba điểm A; D; B không thẳng hàng

C. Ba điểm B; H; D thẳng hàng

D. Ba điểm A; D; H thẳng hàng.

Câu 9: Hình chữ nhật có bao nhiêu trục đối xứng:

A. 1 trục đối xứng

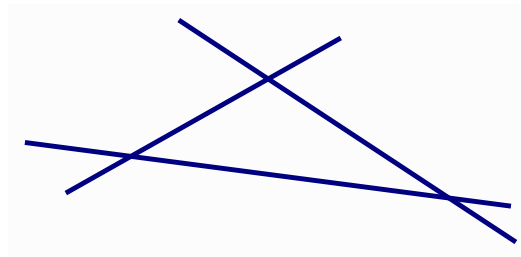
B. 2 trục đối xứng

C. 3 trục đối xứng

D. 4 trục đối xứng

Câu 10: Cho hình vẽ. Số giao điểm tạo bởi 3 đường thẳng trong hình trên là:

- A. 1 giao điểm B. 2 giao điểm
C. 3 giao điểm D. 4 giao điểm



Câu 11: Viết $2\frac{1}{6}$ dưới dạng phân số:

- A. $\frac{1}{3}$. B. $\frac{13}{6}$. C. $\frac{11}{6}$. D. $\frac{4}{3}$.

Câu 12: Chọn khẳng định **SAI** trong các khẳng định sau:

- A. Tia BA có gốc là A.
B. Nếu hai đường thẳng không có điểm chung nào; thì hai đường thẳng đó song song.
C. Qua 2 điểm phân biệt; ta chỉ kẻ được một đường thẳng qua 2 điểm đó.
D. Lấy điểm O trên đường thẳng xy; ta có hai tia Ox và Oy.

Phần 2. Tự luận (7 điểm)

Bài 1. So sánh hai phân số $\frac{-3}{4}$ và $\frac{5}{-6}$.

Bài 2. Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có)

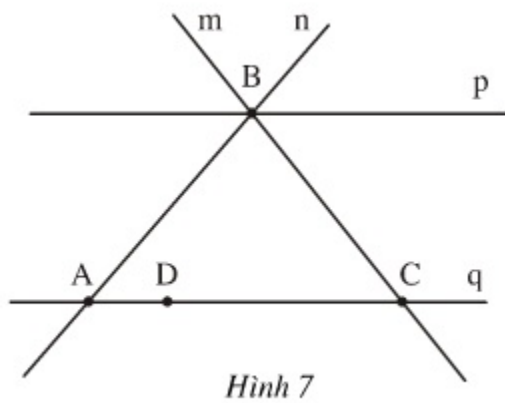
- a) $\frac{5}{9} + \frac{-7}{6} - \frac{5}{12}$
b) $\frac{-4}{5} \cdot \frac{3}{13} + \frac{-4}{5} \cdot \frac{10}{13}$
c) $6\frac{1}{4} : \frac{5}{3} - \frac{3}{2} + \frac{3}{4}$

Bài 3. (1đ) Một bồn nước có dung tích 500 lít; và đang chứa lượng nước bằng $\frac{2}{5}$ dung tích bồn. Hỏi cần thêm bao nhiêu lít nước nữa; để đầy bồn nước?

Bài 4. (1đ) Chị Chi mang một số quả trứng ra chợ bán. Buổi sáng chị bán được $\frac{2}{5}$ số quả trứng, buổi chiều chị bán được $\frac{3}{4}$ số quả trứng còn còn lại. Sau hai buổi bán; thì còn lại 60 quả trứng.

- a) Tính số quả trứng chị ban đầu chị mang ra chợ bán.
b) Tính số quả trứng chị bán buổi sáng; và buổi chiều.

Bài 5. (1đ) Cho hình vẽ



Hình 7

- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm A và C.
- Kể tên hai tia gốc C.

Bài 6. (1đ) Cho hình vẽ :

- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng hình thang cân.
- Hãy tìm O là tâm đối xứng của hình bình hành.

ĐÁP ÁN
ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM 3 đ

1.C	2.C	3.D	4.A	5.B	6.A	7.C	8.C	9.B	10.C	11.B	12.A
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------

Phần II: Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1(0.5 điểm):

$$\text{Ta có: } \frac{-3}{4} = \frac{-9}{12} \text{ và } \frac{5}{-6} = \frac{-5}{6} = \frac{-10}{12}. \quad (0.25)$$

$$\text{mà } \frac{-9}{12} > \frac{-10}{12} \text{ nên } \frac{-3}{4} > \frac{5}{-6} \quad (0.25)$$

Bài 2(2.5 điểm):

$$a) \frac{5}{9} + \frac{-7}{6} - \frac{5}{12} \quad (0.5đ)$$

$$= \frac{20}{36} + \frac{-42}{36} - \frac{15}{36} \quad (0.25)$$

$$= \frac{-37}{36} \quad (0.25)$$

$$b) \frac{-4}{5} \cdot \frac{3}{13} + \frac{-4}{5} \cdot \frac{10}{13} \quad (1đ)$$

$$= \frac{-4}{5} \cdot \left(\frac{3}{13} + \frac{10}{13} \right) \quad (0.5)$$

$$= \frac{-4}{5} \cdot 1 = \frac{-4}{5} \quad (0.5)$$

$$c) 6\frac{1}{4} : \frac{5}{3} - \frac{3}{2} + \frac{3}{4} \quad (1đ)$$

$$= \frac{25}{4} \cdot \frac{3}{5} - \frac{3}{2} + \frac{3}{4} \quad (0.25)$$

$$= \frac{15}{4} - \frac{3}{2} + \frac{3}{4} \quad (0.25)$$

$$= \frac{15}{4} - \frac{6}{4} + \frac{3}{4} \quad (0.25)$$

$$= \frac{12}{4} = 3 \quad (0.25)$$

Bài 3(1điểm).

Số nước đang có trong bồn là: $500 \cdot \frac{2}{5} = 200$ (lít). (0.5)

Số lít nước cần thêm để đầy bồn là: $500 - 200 = 300$ lít. (0.5)

Bài 4(1,5điểm).

a) Phân số chỉ số quả trứng còn lại sau buổi sáng: $1 - \frac{2}{5} = \frac{3}{5}$ (số quả) (0.25)

Phân số chỉ số quả trứng bán buổi chiều: $\frac{3}{5} \cdot \frac{3}{4} = \frac{9}{20}$ (số quả) (0.25)

Phân số chỉ số quả trứng còn lại sau hai buổi bán: $1 - \frac{3}{5} - \frac{9}{20} = \frac{3}{20}$ (số quả) (0.25)

Số quả trứng ban đầu là: $60 : \frac{3}{20} = 400$ (quả) (0.25)

b) Số quả trứng bán buổi sáng: $\frac{2}{5} \cdot 400 = 160$ (quả) (0.25)

Số quả trứng bán buổi chiều: $\frac{9}{20} \cdot 400 = 180$ (quả) (0.25)

Bài 5(1điểm).

a) A, D, C (0.25)

b) A, B, C (0.25)

c) điểm D nằm giữa 2 điểm A và C (0.25)

d) Tia CB và tia CA (0.25)

Bài 6(1điểm).

Mỗi hình đúng 0,5 điểm

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II TOÁN – LỚP 6
NĂM HỌC 2023-2024

T T	Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
1	Phân số	Phân số với tử số và mẫu số là số nguyên. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số.				1 Bài 1 1,0					62,5%
		Các phép tính phân số. Tính chất phép cộng, phép nhân phân số.	1 0,25		2 0,5	2 Bài 2 a,b 1,0		1 Bài 2c 1,0			
		Giá trị phân số của một số.			2 0,5			1 Bài 3 1,0		1 Bài 4 1,0	
2	Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng.	1 0,25			1 B.6a 0,5					20%
		Hình có tâm đối xứng.	1 0,25			1 B.6b 0,5					
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên.	2 0,5								
3	Các hình học cơ bản	Điểm, đường thẳng, tia. Ba điểm thẳng hàng. Ba điểm không thẳng hàng.	3 0,75	1 Bài 5 1,0							17,5%
Tổng số câu			8	1	4	5		2		1	21
Tổng điểm			2,0	1,0	1,0	3,0		2,0		1,0	10,0
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA CUỐI HK2 MÔN TOÁN -LỚP 6

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Phân số với tử số và mẫu số là số nguyên. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. Phép cộng và phép trừ phân số. Phép nhân và phép chia phân số.	Nhận biết: - Nhận biết được dạng của phân số, hai phân số bằng nhau. Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia phân số	1TN	2 TN 1 TL	1TL	
		Giá trị phân số của một số.	Thông hiểu: – Biết tính giá trị của một phân số, tìm một số khi biết giá trị của phân số. Vận dụng: – Vận dụng tính giá trị của một phân số vào bài toán thực tế. - Vận dụng tìm một số khi biết giá trị của phân số.		2 TN	1 TL	1 TL
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	Hình học trực quan: Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên	Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.	Nhận biết: Nhận dạng về hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng.	2 TL	2 TL		
		Vai trò của tính đối xứng trong giới tự nhiên.	Nhận biết : - Phân biệt được hình có tính đối xứng trong tự nhiên. Thông hiểu: – Hiểu được vai trò của tính đối xứng trong giới tự nhiên.	2 TL			
3	Hình học phẳng: Các hình hình học cơ bản	Điểm. Đường thẳng. Ba điểm thẳng hàng. Ba điểm không thẳng hàng.	Nhận biết: - Nhận biết được các khái niệm về điểm, đường thẳng, ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. - Nhận biết được tia, đoạn thẳng. Thông hiểu: Hiểu được các tính chất của các hình	3TN 1TL			

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (12 câu): (3,0 điểm)

Câu 1: (NB) $\frac{2}{5} + \frac{-3}{4}$ có kết quả là:

A. $\frac{-7}{20}$

B. $\frac{7}{20}$

C. $\frac{-6}{21}$

D. $\frac{-7}{10}$

Câu 2: (TH) Tìm x biết $x + \frac{1}{2} = 2$

A. $\frac{5}{4}$

B. $\frac{3}{8}$

C. $\frac{3}{2}$

D. $\frac{1}{4}$

Câu 3: (TH) $\frac{2}{3} : \frac{3}{2} - \frac{4}{9}$ có kết quả là :

A. -1

B. 1

C. 0

D. 2

Câu 4: (TH) Em hãy cho biết $\frac{3}{8}$ của 40 trang sách là :

A. 20 trang

B. 10 trang

C. 15 trang

D. 16 trang

Câu 5: (TH) Tìm số trang sách của quyển sách. Biết $\frac{1}{5}$ của quyển sách là 20 trang.

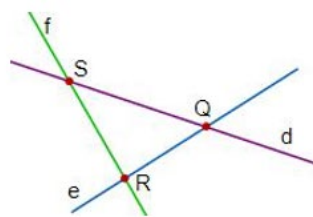
A. 100 trang

B. 80 trang

C. 90 trang

D. 200 trang

Câu 6: (NB) Đường thẳng f **không** chứa điểm nào?



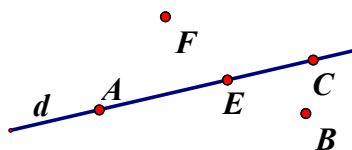
A. Điểm S

B. Điểm Q

C. Điểm R

D. Cả 3 điểm Q, S, R

Câu 7: (NB) Chọn nhận xét **đúng**:



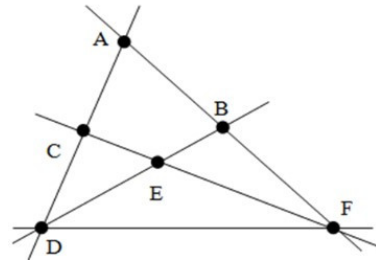
A. Ba điểm A, F, E thẳng hàng.

C. Ba điểm A, B, C thẳng hàng.

B. Ba điểm E, B, C thẳng hàng

D. Ba điểm A, E, C thẳng hàng.

Câu 8: (NB) Cho hình vẽ sau. Chọn câu **đúng**.



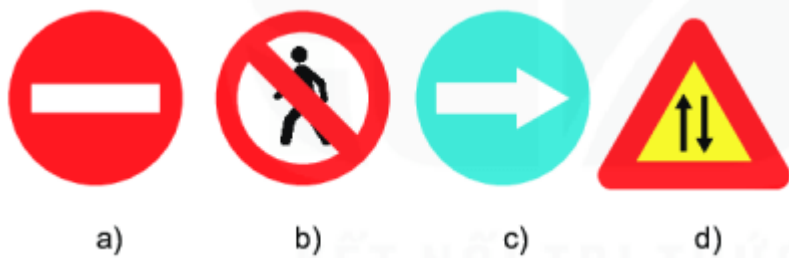
A. Ba điểm D; E; B không thẳng hàng

C. Ba điểm A; B; F không thẳng hàng

B. Ba điểm C; E; A không thẳng hàng

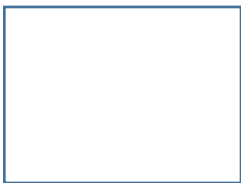
D. Ba điểm C; E; F không thẳng hàng

Câu 9: (NB) Trong các loại biển báo sau, biển báo nào có trục đối xứng?



A. Hình a) và Hình c) B. Hình a) và Hình d) C. Hình c) và Hình b) D. Hình c) và Hình d)

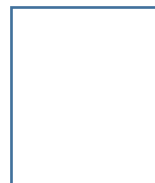
Câu 10: (NB) Trong các hình sau hình nào **không** có tâm đối xứng ?



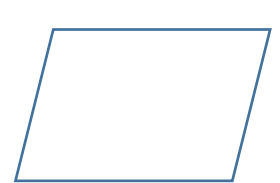
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 11. (NB) Chọn câu khẳng định **sai**:

A. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.

B. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư.

C. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.

D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

Câu 12. (NB) Trong các hình dưới đây, hình nào có tâm đối xứng?



- A. Hình a, b, c B. Hình b, c. C. Hình a,d. **D. Hình a, c**

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (TH) (1,0 đ)

So sánh $\frac{-5}{9}$ và $\frac{-4}{7}$

Bài 2. (2,0 đ) Tính hợp lí nếu có thể :

a. **(TH)** $\frac{2}{5} - \frac{5}{3} + \frac{7}{15}$

b. **(TH)** $\frac{11}{19} \cdot \frac{-10}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-5}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-2}{17}$

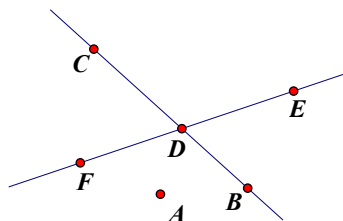
c. **(VD)** $\left(\frac{1997}{2024} + \frac{2021}{1999} \right) - \left(\frac{1997}{2024} + \frac{22}{1999} \right)$

Bài 3 (1,0 đ) **(VD)** Lớp 6A có 42 học sinh. Biết số học sinh giỏi chiếm $\frac{1}{3}$ số học sinh cả lớp. Còn lại là học sinh khá.

- a./ Tính số học sinh giỏi.
b./ Tính số học sinh khá.

Bài 4. (1,0 đ) **(VDC)** Một cửa hàng bán một số mét vải trong ba ngày. Ngày thứ nhất bán $\frac{3}{5}$ số mét vải. Ngày thứ hai bán $\frac{2}{7}$ số mét vải. Ngày thứ ba bán nốt 40 mét vải. Tính tổng số mét vải cửa hàng đã bán .

Bài 5. (1,0 đ) **(NB)** Cho hình vẽ



- a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
c) Điểm nào nằm giữa hai điểm F và E.
d) Kể tên một tia góc B

Bài 6. (1,0 đ) **(TH)**

- a. Hãy vẽ trục đối xứng d của hình tam giác đều ABC
b. Hãy vẽ tâm đối xứng O của hình chữ nhật ABCD

-----HẾT-----

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG THCS ĐỒNG ĐA

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023

MÔN **TOÁN** LỚP **6**

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (12 câu): (3,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	X				X				X			
B						X		X		X		
C		X	X	X								
D							X				X	X

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
1	So sánh $\frac{-5}{9}$ và $\frac{-4}{7}$	
	Ta có : $\frac{-5}{9} = \frac{-35}{63}$ $\frac{-4}{7} = \frac{-36}{63}$	0,5 đ
	Vì $-35 > -36$	
	Nên $\frac{-35}{63} > \frac{-36}{63}$	0,25 đ
	Vậy $\frac{-5}{9} > \frac{-4}{7}$	0,25 đ
2a	$\frac{2}{5} - \frac{5}{3} + \frac{7}{15}$	
	$= \frac{6}{15} - \frac{25}{15} + \frac{7}{15}$	0,25 đ
	$= \frac{-19}{15} + \frac{7}{15}$	
	$= \frac{-12}{15} = \frac{-3}{5}$	0,25 đ
2b	$\frac{11}{19} \cdot \frac{-10}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-5}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-2}{17}$	
	$= \frac{11}{19} \cdot \left(\frac{-10}{17} + \frac{-5}{17} + \frac{-2}{17} \right)$	0,25 đ
	$= \frac{11}{19} \cdot (-1)$	

	$= \frac{-11}{19}$	0,25 đ
2c	$\left(\frac{1997}{2024} + \frac{2021}{1999} \right) - \left(\frac{1997}{2024} + \frac{22}{1999} \right)$	
	$= \frac{1997}{2024} + \frac{2021}{1999} - \frac{1997}{2024} - \frac{22}{1999}$	0,25 đ
	$= \frac{1997}{2024} - \frac{1997}{2024} + \frac{2021}{1999} - \frac{22}{1999}$	0,25 đ
	$= \left(\frac{1997}{2024} - \frac{1997}{2024} \right) + \left(\frac{2021}{1999} - \frac{22}{1999} \right)$	0,25 đ
	$= 0 + \left(\frac{1999}{1999} \right) = 1$	0,25 đ

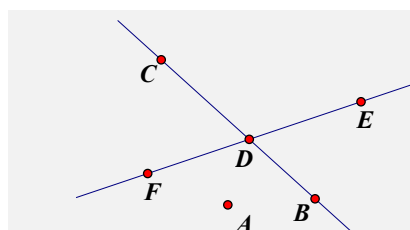
Bài 3 : Lớp 6A có 42 học sinh. Biết số học sinh giỏi chiếm $\frac{1}{3}$ số học sinh cả lớp. Còn lại là học sinh khá.
a./ Tính số học sinh giỏi.
b./ Tính số học sinh khá.

3a	Số học sinh giỏi là : $42 \cdot \frac{1}{3} = 14$ (học sinh)	0,5 đ
3b	Số học sinh khá là : $42 - 14 = 28$ (học sinh)	0,5 đ

Bài 4 : Một cửa hàng bán một số mét vải trong ba ngày. Ngày thứ nhất bán $\frac{3}{5}$ số mét vải. Ngày thứ hai bán $\frac{2}{7}$ số mét vải. Ngày thứ ba bán nốt 40 mét vải. Tính tổng số mét vải cửa hàng đã bán .

4	Phân số ứng với ngày thứ ba bán được : $1 - \left(\frac{3}{5} + \frac{2}{7} \right) = \frac{4}{35}$	0,5 đ
	Số mét vải cửa hàng đã bán : $40 : \frac{4}{35} = 350$ (mét)	0,5 đ

Bài 5. Cho hình vẽ



- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm F và E.
- Kể tên một tia gốc B

5a	Kể đúng tên một bộ ba thẳng hàng	0,25 đ
5b	Kể đúng tên một bộ ba không thẳng hàng	0,25 đ
5c	Điểm D nằm giữa hai điểm F và E	0,25 đ
5d	Tia BD hoặc Tia BC	0,25 đ

Bài 6 :

- Hãy vẽ trục đối xứng d của hình tam giác đều ABC

b. Hãy vẽ tâm đối xứng O của hình chữ nhật ABCD		
6a	Vẽ đúng trục đối xứng d của hình tam giác đều ABC	0,5 đ
6b	Vẽ tâm đối xứng O của hình chữ nhật ABCD	0,5 đ

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây :

Câu 1: Phân số $\frac{-2}{5}$ bằng phân số nào sau đây?

- A. $\frac{-5}{2}$ B. $\frac{-6}{15}$ C. $\frac{-6}{-15}$ D. $\frac{6}{-9}$

Câu 2: Kết quả của phép tính $\frac{2}{15} + \left(\frac{-5}{6}\right) \cdot \frac{18}{25}$ bằng bao nhiêu?

- A. $\frac{7}{15}$ B. $\frac{-7}{15}$ C. 0 D. $\frac{-63}{125}$

Câu 3: Bạn Trân làm xong bài tập trong $\frac{3}{4}$ giờ. Bạn Ngọc làm nhanh hơn bạn Trân $\frac{1}{3}$ giờ. Hỏi bạn Ngọc làm xong bài tập trong bao lâu?

- A. $\frac{5}{12}$ giờ B. $\frac{13}{12}$ giờ C. $\frac{4}{7}$ giờ D. $\frac{1}{4}$ giờ

Câu 4 : Giá trị $\frac{2}{5}$ của 40 là:

- A. 100 B. 28 C. 15 D. 16

Câu 5 : Tìm một số biết $\frac{1}{4}$ của số đó là 116. Số cần tìm là:

- A. 40 B. 29 C. 464 D. 116

Câu 6: Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1 B. Hình 2 C. Hình 3 D. Hình 4

Câu 7: Trong các hình sau, hình nào không có tâm đối xứng?

- A. Hình thoi B. Hình thang cân C. Hình chữ nhật D. Hình vuông

Câu 8: Trong các biển báo dưới đây, biển báo nào có trục đối xứng?



1

2

3

4

A. 1, 2, 3

B. 2, 3, 4

C. 1, 3, 4

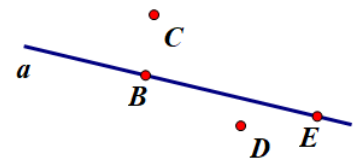
D. 1, 2, 4

Câu 9: Chọn câu khẳng định sai:

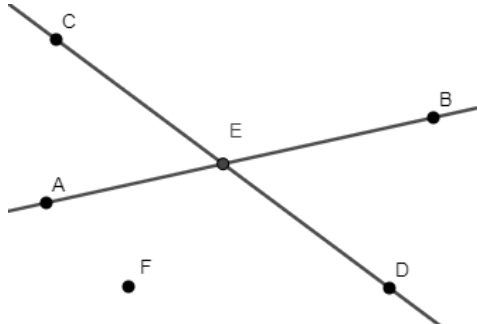
- A. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động , thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.
- B. Tính đối xứng thường sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.
- C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư.
- D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

Câu 10: Trong hình vẽ bên, điểm nào không thuộc đường thẳng a?

- A. Điểm D và B
- B. Điểm C và D
- C. Điểm D và E
- D. Điểm B và E



Câu 11: Cho hình vẽ

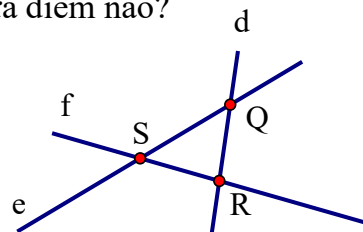


Chọn phát biểu SAI:

- A. Ba điểm C, E, D thẳng hàng.
- B. Ba điểm A, E, B thẳng hàng.
- C. Ba điểm C, E, D không thẳng hàng.
- D. Ba điểm A, E, F không thẳng hàng.

Câu 12: Trong hình sau, đường thẳng f không chứa điểm nào?

- A. Điểm R
- B. Điểm S
- C. Điểm Q
- D. Cả 3 điểm R, Q, S



Phần 2: Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): So sánh hai phân số $\frac{-4}{15}$ và $\frac{-2}{9}$

Câu 2 (2,0 điểm): Thực hiện các phép tính:

$$a/ \frac{-7}{4} + \frac{3}{5} - \frac{1}{2}$$

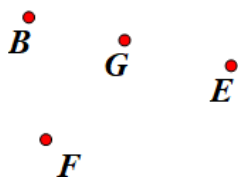
$$b/ \frac{12}{19} \cdot \frac{-2}{13} + \frac{12}{19} \cdot \frac{4}{13} + \frac{12}{19} \cdot \left(\frac{-15}{13} \right)$$

$$c/ \left(\frac{14}{9} - \frac{17}{23} \right) - \left(\frac{5}{9} - \frac{17}{23} + 1 \right)$$

Câu 3 (1,0 điểm): Bạn Na có 40 viên kẹo, Na chia cho em $\frac{3}{8}$ số viên kẹo của mình. Hỏi Na đã chia cho em bao nhiêu viên kẹo?

Câu 4 (1,0 điểm): Ba học sinh cùng nhau xếp các ngôi sao bằng giấy. Bạn thứ nhất xếp được $\frac{1}{3}$ tổng số ngôi sao. Bạn thứ hai xếp được $\frac{2}{5}$ tổng số ngôi sao. Bạn thứ ba xếp được 72 ngôi sao. Hỏi ba bạn đã xếp được tất cả bao nhiêu ngôi sao?

Câu 5 (1,0 điểm): Cho bốn điểm B, G, E, F, như hình vẽ sau:



a/ Trong các điểm trên, ba điểm nào thẳng hàng?

b/ Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.

c/ Từ bốn điểm trên, hãy vẽ các đường thẳng phân biệt.

d/ Hãy kể tên một tia gốc F có trong hình vẽ ở câu c.

Câu 6 (1,0 điểm):

a/ Trong các chữ cái E, O, Q, I, M, F, S, N. Hãy tìm chữ cái có trục đối xứng?

b/ Hãy vẽ hình bình hành và tìm tâm đối xứng của hình bình hành đó?

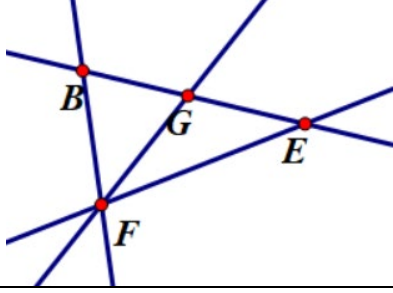
HẾT.

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan (0,25 điểm/câu)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	A	D	C	B	B	D	D	B	C	C

Phần 2: Tự luận:

Câu	Nội dung	Điểm
1 1,0đ	So sánh hai phân số $\frac{-4}{15}$ và $\frac{-2}{9}$	1
	$\frac{-4}{15} = \frac{-36}{135}$ $\frac{-2}{9} = \frac{-30}{135}$ Vì $-36 < -30$ Nên $\frac{-36}{135} < \frac{-30}{135}$	0,5
	Vậy $\frac{-4}{15} < \frac{-2}{9}$	0,5
2a 0,5đ	$\frac{-7}{4} + \frac{3}{5} - \frac{1}{2}$	1
	$= \frac{-35}{20} + \frac{12}{20} - \frac{10}{20}$	0,25
	$= \frac{-33}{20}$	0,25
2b 0,5đ	$\frac{12}{19} \cdot \frac{-2}{13} + \frac{12}{19} \cdot \frac{4}{13} + \frac{12}{19} \cdot \left(\frac{-15}{13}\right)$	1
	$= \frac{12}{19} \cdot \left(\frac{-2}{13} + \frac{4}{13} - \frac{15}{13}\right)$	0,25
	$= \frac{12}{19} \cdot (-1)$	
	$= \frac{-12}{19}$	0,25
2c 1,0đ	$\left(\frac{14}{9} - \frac{17}{23}\right) - \left(\frac{5}{9} - \frac{17}{23} + 1\right)$	
	$= \frac{14}{9} - \frac{17}{23} - \frac{5}{9} + \frac{17}{23} - 1$	0,5

	$= \frac{14}{9} - \frac{5}{9} + \frac{17}{23} - \frac{17}{23} - 1$	0,25
	$= 0$	0,25
3 1,0đ	Số viên kẹo Na đã chia cho em là: $\frac{3}{8} \cdot 40 = 15 \text{ (viên kẹo)}$	1
4 1,0đ	Phân số chỉ số ngôi sao bạn thứ ba xếp được là: $1 - \left(\frac{1}{3} + \frac{2}{5} \right) = \frac{4}{15} \text{ (tổng số ngôi sao)}$ Số ngôi sao cả 3 bạn xếp được là: $72 : \frac{4}{15} = 270 \text{ (ngôi sao)}$	0,5 0,5
5 1,0đ	a/ Ba điểm thẳng hàng là B, G, E	0,25
	b/ Ba điểm không thẳng hàng là B, G, F	0,25
	c/ 	0,25
	d/ Tên một tia gốc F là tia FG	0,25
6a 0,5đ	Chữ cái có trục đối xứng là E, O, I, M	0,5
6b 0,5đ	HS vẽ đúng hình bình hành	0,25
	HS vẽ đúng tâm đối xứng	0,25

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

I/ Trắc nghiệm khách quan (3,0 đ): Mỗi câu sau đây có 4 lựa chọn, em hãy chọn đáp án đúng nhất.

Câu 1: Trong các cách viết sau, cách viết nào **không** cho ta phân số:

- A) $\frac{3}{13}$ B) $\frac{1}{-9}$ C) $\frac{0,5}{3}$ D) $\frac{0}{5}$

Câu 2: Kết quả của biểu thức: $\frac{1}{4} + \frac{-2}{9} + \frac{-3}{7} + \frac{11}{9} + \frac{-5}{4}$ là:

- A) 0, B) $\frac{-3}{7}$, C) $\frac{-17}{7}$, D) $\frac{11}{7}$.

Câu 3: Cho $\frac{1}{2} + x = 3\frac{1}{2}$. Kết quả giá trị x là :

- A) 0, B) 4, C) 3, D) -2.

Câu 4: $\frac{3}{4}$ của 20 bằng:

- A) 20 , B) 15, C) 10, D) 5.

Câu 5: Tìm một số biết $\frac{2}{5}$ của nó là 10.

- A) Số đó là 25, B) Số đó là 4,
C) Số đó là $\frac{1}{25}$, D) Số đó là 20.

Câu 6: Biển báo giao thông nào sau đây **không** có trục đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



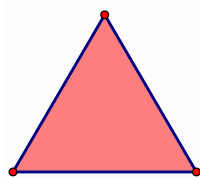
Hình 4

- A) Hình 1, B) Hình 2, C) Hình 3, D) Hình 4.

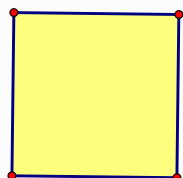
Câu 7: Tính đối xứng giúp cho sự vật:

- A) Cân bằng, vững chắc; B) Hòa hòa;
C) Đẹp mắt, D) Cả ba câu A,B,C.

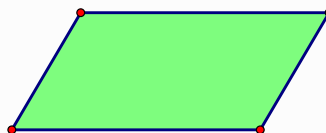
Câu 8: Hình nào dưới đây **không** có tâm đối xứng?



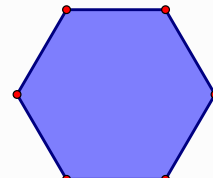
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

- A) Hình 4, B) Hình 2, C) Hình 1, D) Hình 3.

Câu 9: Hình nào sau đây vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- A) Hình 1 và hình 2, B) Hình 1 và hình 3,
C) Hình 2 và hình 3, D) Hình 1, hình 2 và hình 3.

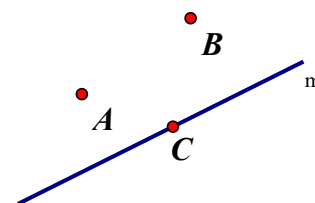
Câu 10: Trong hình sau, tia Am còn được gọi tên là:



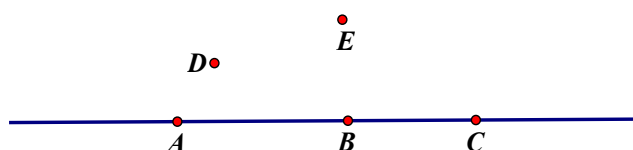
- A) Tia AB, B) Tia BC, C) Tia Bm, D) Tia Cm.

Câu 11: Trong hình sau, điểm thuộc đường thẳng m là:

- A) Điểm A B) Điểm B
C) Điểm C D) Điểm A và B.



Câu 12: Trong hình sau, 3 điểm thẳng hàng là:



- A) Điểm D, điểm E, điểm A B) Điểm A, điểm B, điểm C
C) Điểm A, điểm B, điểm D D) Điểm A, điểm D, điểm C

II/ Tự luận (7 điểm):

Bài 1: (1,0 đ) So sánh hai phân số: $\frac{-3}{5}$ và $\frac{5}{-6}$

Bài 2: (2,0 đ) Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{2}{3} + \frac{5}{6} + \frac{-3}{2}$

b) $3\frac{1}{5} + \frac{2}{5} : \frac{-2}{3}$

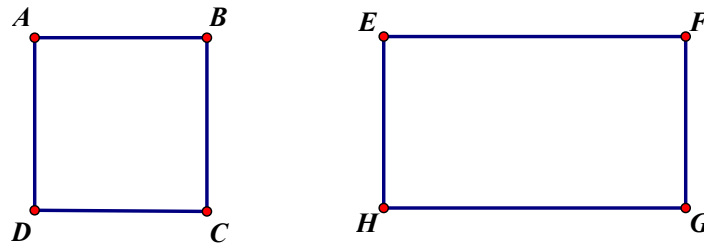
c) $\frac{3}{8} \cdot \frac{3}{7} + \frac{3}{8} : \frac{-7}{12} + \frac{3}{8} \cdot \frac{-5}{7}$

Bài 3: (1,0 đ) Lớp 6A có 45 học sinh. Số học sinh loại Tốt chiếm $\frac{2}{9}$ tổng số học sinh cả lớp, số học sinh loại Khá chiếm $\frac{1}{3}$ tổng số học sinh cả lớp. Tính số học sinh loại Tốt và loại Khá của lớp 6A.

Bài 4: (1,0 đ) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 35m, chiều rộng bằng $\frac{5}{8}$ chiều dài. Tính diện tích của mảnh vườn đó.

Bài 5: (1,0 đ) Vẽ đường thẳng a, lấy ba điểm A, B, C trên đường thẳng a sao cho điểm C nằm giữa hai điểm A và B. Vẽ điểm D không thuộc đường thẳng a. Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng có trên hình.

Bài 6: (1,0 đ) Hãy vẽ lại hình vuông và hình chữ nhật sau:



- Hãy vẽ một trục đối xứng của hình vuông ABCD.
- Hãy vẽ điểm M là tâm đối xứng của hình chữ nhật EFGH.

----- Hết -----

ĐÁP ÁN:**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) mỗi câu đúng 0,25 điểm**

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	C	B	C	B	A	D	D	C	C	A	C	B

PHẦN II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (1,0 đ) So sánh hai phân số: $\frac{-3}{5}$ và $\frac{5}{-6}$

Ta có: $\frac{-3}{5} = \frac{-18}{30}$, $\frac{5}{-6} = \frac{-25}{30}$ **0,5 đ**

Vì $\frac{-18}{30} > \frac{-25}{30}$ nên $\frac{-3}{5} > \frac{5}{-6}$ **0,5 đ**

Bài 2: (2,0 đ) Thực hiện phép tính (Tính hợp lý nếu có thể):

$a) \frac{2}{3} + \frac{5}{6} + \frac{-3}{2}$ $= \frac{4}{6} + \frac{5}{6} + \frac{-3}{2}$ $= \frac{9}{6} + \frac{-3}{2}$ $= \frac{3}{2} + \frac{-3}{2}$ $= 0$	$b) 3\frac{1}{5} + \frac{2}{5} : \frac{-2}{3}$ $= \frac{16}{5} + \frac{2}{5} \cdot \frac{-3}{2}$ $= \frac{16}{5} + \frac{-3}{5}$ $= \frac{13}{5}$
0,25 đ	0,25 đ
0,25 đ	0,25 đ

$$c) \frac{3}{8} \cdot \frac{3}{7} + \frac{3}{8} \cdot \frac{-7}{12} + \frac{3}{8} \cdot \frac{-5}{7}$$

$$= \frac{3}{8} \cdot \frac{3}{7} + \frac{3}{8} \cdot \frac{-12}{7} + \frac{3}{8} \cdot \frac{-5}{7}$$

$$= \frac{3}{8} \cdot \left(\frac{3}{7} + \frac{-12}{7} + \frac{-5}{7} \right)$$

$$= \frac{3}{8} \cdot (-2)$$

$$= \frac{-3}{4}$$

0,25 đ
0,25 đ
0,25 đ
0,25 đ

Bài 3: (1,0 đ) Lớp 6A có 45 học sinh. Số học sinh loại tốt chiếm $\frac{2}{9}$ tổng số học sinh cả lớp, số học sinh loại khá chiếm $\frac{1}{3}$ tổng số học sinh cả lớp. Tính số học sinh mỗi loại.

Số học sinh loại tốt của lớp 6A:

$$\frac{2}{9} \cdot 45 = 10 \text{ (học sinh)} \quad \textbf{0,5 đ}$$

Số học sinh loại khá của lớp 6A:

$$\frac{1}{3} \cdot 45 = 15 \text{ (học sinh)}$$

0,5 đ

Bài 4: (1,0 đ) Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 35m, chiều rộng bằng $\frac{5}{8}$ chiều dài. Tính diện tích của mảnh vườn đó.

Chiều dài của mảnh vườn:

$$35 : \frac{5}{8} = 56 \text{ (m)}$$

0,5 đ

Diện tích của mảnh vườn:

$$56 \cdot 35 = 1960 \text{ (m}^2\text{)}$$

0,5 đ

Bài 5: (1,0 đ)

Vẽ đường thẳng a,

0,25 đ

Lấy ba điểm A, B, C trên đường thẳng a
sao cho điểm C nằm giữa hai điểm A và B.

0,25 đ

Vẽ điểm D không thuộc đường thẳng a.

0,25 đ

Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng có trên hình.

0,25 đ

Bài 6: (1,0 đ)

a) Vẽ một trục đối xứng của hình vuông ABCD.

0,5 đ

b) Vẽ điểm M là tâm đối xứng của hình chữ nhật EFGH.

0,5 đ

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. (TH) Kết quả của phép tính $\frac{5}{-3} - \frac{-7}{2}$ là:

A. $\frac{31}{6}$

B. $\frac{-31}{6}$

C. $\frac{-11}{6}$

D. $\frac{11}{6}$

Câu 2. (TH) Cho $\frac{1}{-2} : x = -1\frac{2}{3}$. Kết quả giá trị x là :

A. $\frac{10}{3}$

B. $\frac{3}{10}$

C. $\frac{-13}{6}$

D. $\frac{5}{6}$

Câu 3. (TH) Cho $\frac{2}{-3} - x = \frac{-4}{-9}$. Kết quả giá trị x là :

A. $\frac{10}{9}$

B. $\frac{-10}{9}$

C. $\frac{-2}{9}$

D. $\frac{2}{9}$

Câu 4. (TH) $\frac{2}{7}$ của 84 viên bi là:

A. 294 viên B. 118 viên C. 60 viên D. 24 viên

Câu 5. (TH) Tìm một số biết $\frac{-3}{2}$ của nó là 60

A. Số đó là -40 B. Số đó là 40 C. Số đó là -90 D. Số đó là 90

Câu 6. (NB) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



a)



b)



c)



d)

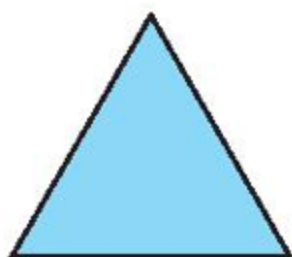
A. Hình a); Hình b); Hình d)

B. Hình b); Hình c); Hình d)

C. Hình a); Hình c); Hình d)

D. Hình a) và Hình d)

Câu 7. (NB) Hãy cho biết hình sau có mấy trục đối xứng?



Tam giác đều

A. 1

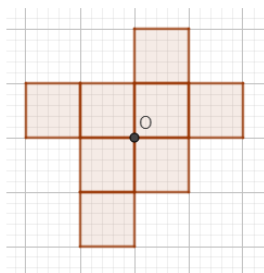
B. 2

C. 3

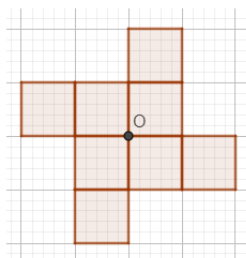
D. 4

Câu 8. (NB) Điểm O trong hình nào dưới đây là tâm đối xứng?

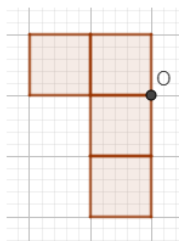
A.



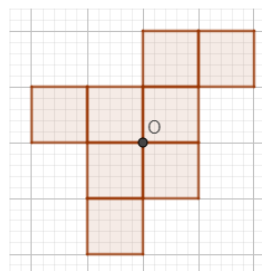
B.



C.



D.



Câu 9. (NB) Hình nào sau đây vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng?

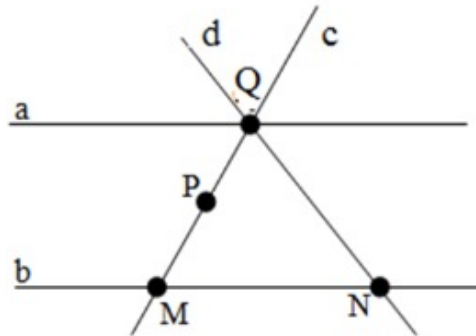
A. Hình bình hành

B. Hình thang cân

C. Hình tròn

D. Hình tam giác đều

Câu 10. (NB) Cho hình vẽ. Điểm Q thuộc những đường thẳng nào?



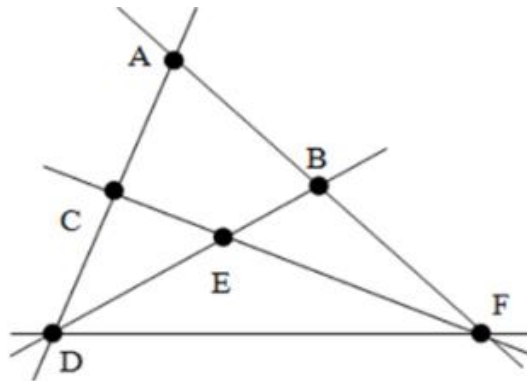
A. a; b

B. a; d

C. c; d

D. a; c; d

Câu 11. (NB) Cho hình vẽ. Chọn phát biểu sai



A. Ba điểm D, E, B thẳng hàng

B. Ba điểm C, A, E không thẳng hàng

C. Ba điểm D, E, F thẳng hàng

D. Ba điểm C, D, E không thẳng hàng

Câu 12. (NB) Cho hình vẽ



Có bao nhiêu tia chung gốc B?

A. 5

B. 4

C. 3

D. 2

Phần 2. Tự luận (7 điểm)

Bài 1. (1,0đ) **(TH)** So sánh hai phân số : $\frac{-2}{9}$ và $\frac{1}{-5}$

Bài 2. (2,0 đ) Tính :

a) **(TH)** $\frac{-9}{10} + \frac{7}{15} \cdot \left(\frac{-3}{14}\right)$

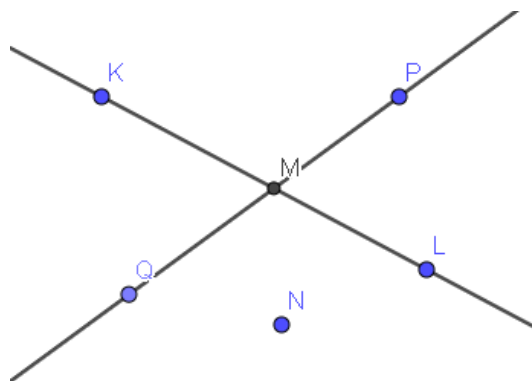
b) **(TH)** $\frac{3}{-11} \cdot \frac{20}{29} + \frac{-3}{11} \cdot \frac{4}{29} + \frac{-3}{11} \cdot \frac{5}{29}$

c) **(VD)** $\left(\frac{9}{19} + \frac{4}{13}\right) - \left(\frac{-10}{19} - \frac{9}{13}\right)$

Bài 3. (1,0 đ) **(VD)** Một hình chữ nhật có chiều dài là 36m và chiều rộng bằng $\frac{5}{6}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó?

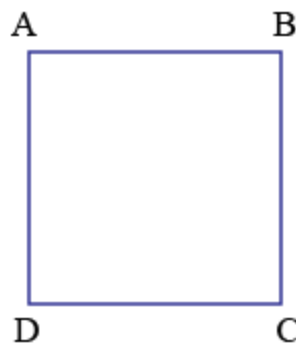
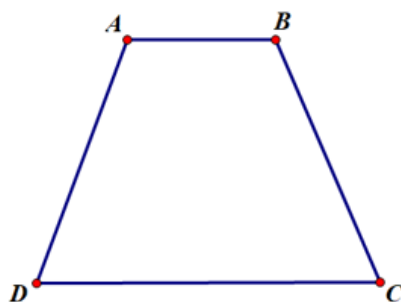
Bài 4. (1,0 đ) **(VDC)** Một bể nước có dạng hình hộp chữ nhật có kích thước 20×30 cm. Lượng nước trong bể cao 20cm và bằng $\frac{2}{3}$ chiều cao bể. Hỏi bể có thể chứa được nhiều nhất bao nhiêu lít nước?

Bài 5. (1,0 đ) **(NB)** Cho hình vẽ



- Kể tên các bộ ba điểm thẳng hàng .
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm M nằm giữa hai điểm nào?
- Kể tên một tia gốc P.

Bài 6. (1đ) **(NB)** Cho hình vẽ :



- a) Hãy vẽ trục đối xứng d của hình thang cân ABCD
b) Hãy tìm I là tâm đối xứng của hình vuông ABCD

HẾT
ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN TOÁN LỚP 6

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
D	B	B	D	A	A	C	B	C	D	C	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (1,0 đ) So sánh hai phân số : $\frac{-2}{9}$ và $\frac{1}{-5}$ **1**

$$\frac{-2}{9} = \frac{-2.5}{9.5} = \frac{-10}{45}$$

$$\frac{1}{-5} = \frac{-1}{5} = \frac{-1.9}{5.9} = \frac{-9}{45}$$
0.5

Vì $-9 > -10$ và $45 > 0$ nên $\frac{-9}{45} > \frac{-10}{45}$ hay $\frac{1}{-5} > \frac{-2}{9}$ **0.5**

Bài 2. (2,0 đ) Tính :

a) **1**

$$\begin{aligned} & \frac{-9}{10} + \frac{7}{15} \cdot \left(\frac{-3}{14} \right) \\ &= \frac{-9}{10} + \left(\frac{-1}{10} \right) \\ &= -1 \end{aligned}$$

b)

0,5

$$\begin{aligned} & \frac{3}{-11} \cdot \frac{20}{29} + \frac{-3}{11} \cdot \frac{4}{29} + \frac{-3}{11} \cdot \frac{5}{29} \\ &= \frac{-3}{11} \cdot \frac{20}{29} + \frac{-3}{11} \cdot \frac{4}{29} + \frac{-3}{11} \cdot \frac{5}{29} \\ &= \frac{-3}{11} \cdot \left(\frac{20}{29} + \frac{4}{29} + \frac{5}{29} \right) \\ &= \frac{-3}{11} \cdot 1 \\ &= \frac{-3}{11} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} & c) \left(\frac{9}{19} + \frac{4}{13} \right) - \left(\frac{-10}{19} - \frac{9}{13} \right) \\ &= \frac{9}{19} + \frac{4}{13} + \frac{10}{19} + \frac{9}{13} \\ &= \left(\frac{9}{19} + \frac{10}{19} \right) + \left(\frac{4}{13} + \frac{9}{13} \right) \\ &= 1 + 1 = 2 \end{aligned}$$

0,5

Bài 3. (1,0 đ) Một hình chữ nhật có chiều dài là 36m và chiều rộng bằng $\frac{5}{6}$ chiều dài. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó?

Chiều rộng hình chữ nhật là:

0.5

$$36 \cdot \frac{5}{6} = 30 \text{ (m)}$$

Chu vi hình chữ nhật là:

$$(36 + 30) \cdot 2 = 132 \text{ (m)}$$

0.25

Diện tích hình chữ nhật là:

$$30 \cdot 36 = 1080 \text{ (m}^2\text{)}$$

0.25

Bài 4 (1,0 đ) Một bể nước có dạng hình hộp chữ nhật có kích thước 20×30 cm. Lượng nước trong bể cao 20cm và bằng $\frac{2}{3}$ chiều cao bể. Hỏi bể có thể chứa được nhiều nhất bao nhiêu lít nước?

Chiều cao bể là:

$$20 : \frac{2}{3} = 30 \text{ (cm)}$$

0.5

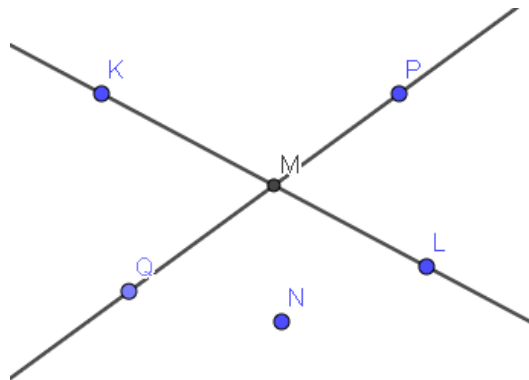
Bể có thể chứa được nhiều nhất:

$$20 \cdot 30 \cdot 30 = 18000 \text{ (cm}^3\text{)} = 18 \text{ (dm}^3\text{)} = 18 \text{ (lít)}$$

0.5

Kết luận

Bài 5. (1,0 đ) Cho hình vẽ



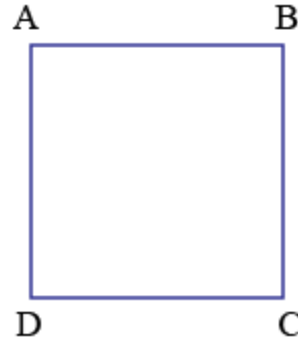
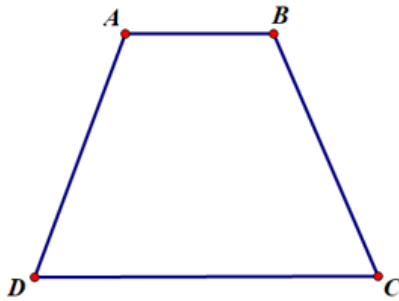
- Kể tên các bộ ba điểm thẳng hàng .
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm M nằm giữa hai điểm nào?
- Kể tên một tia gốc P.

- a) Bộ ba điểm thẳng hàng: K,M,L và Q,M,P

0.25

- | | |
|--|------|
| b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng | 0.25 |
| c) Điểm M nằm giữa hai điểm K và L
Điểm M nằm giữa giữa hai điểm Q và P | 0.25 |
| d) Nêu được tia | 0.25 |

Bài 6. (1đ) Cho hình vẽ :

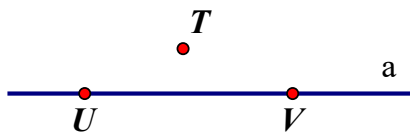


- | | |
|---|-----|
| a) Hãy vẽ trục đối xứng d của hình thang cân ABCD | |
| b) Hãy tìm I là tâm đối xứng của hình vuông ABCD | |
| a) Vẽ được đường thẳng d là trục đối xứng của hình thang cân ABCD | 0.5 |
| b) Vẽ được tâm I là tâm đối xứng của hình vuông ABCD | 0.5 |

(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (12 câu): (3,0 điểm)

1. Cho hình vẽ. Gọi tên đường thẳng có trong hình?



- A. Đường thẳng U. B. Đường thẳng V.
C. Đường thẳng TUV. D. Đường thẳng UV.
2. Chọn câu đúng:
A. Ba điểm thẳng hàng là ba điểm không cùng thuộc một đường thẳng.
B. Ba điểm không thẳng hàng là ba điểm cùng thuộc một đường thẳng.
C. Ba điểm thẳng hàng là ba điểm cùng thuộc một đường thẳng.
D. Tất cả đều sai.
3. Chọn câu đúng:
Trong ba điểm thẳng hàng, có điểm nằm giữa hai điểm còn lại.
A. một và chỉ một B. hai
C. một số D. nhiều
4. Chọn câu đúng:
Câu nào sau đây là trường hợp của ba điểm thẳng hàng.
A. Hiện tượng nhật thực B. Hiện tượng nguyệt thực
C. Đèn giao thông D. Tất cả đều đúng
5. Qua hai điểm A và B cho trước có bao nhiêu đường thẳng? Em hãy chọn phương án đúng
A. 1 B. 2 C. Nhiều hơn 2 D. Không có đường thẳng nào
6. Cho bốn điểm A, B, C, D như hình bên. Có bao nhiêu tia được tạo thành nếu mỗi tia đều chứa hai trong số các điểm đó?
- A. 9 B. 10
C. 11 D. 12
-
7. Hai đường thẳng cắt nhau tạo thành mấy tia?
A. 3 B. 4 C. 5 D. 6
8. Ông An cần dùng bao nhiêu tiền để mua lưới rào hết mảnh vườn? (làm tròn đến hàng chục nghìn)
A. 2 500 000đ. B. 7 510 000đ. C. 2 450 000đ. D. 7 500 000đ.

9. Câu 2. Kết quả của phép tính $-10,15 + 8,62$ là:

A. $-1,53$

B. $1,53$

C. $18,77$

D. $-18,77$

10. Kết quả của phép tính $9,18 - 6,18 : 0,3$ là:

A. 10

B. $-11,42$

C. -1

D. $0,1$

11. Trong 50kg nước biển có 2kg muối. Tính tỉ số phần trăm muối trong nước biển.

A. 2%

B. 4%

C. 6%

D. 8%

12. Cho số $x = 4,7384$. Khi làm tròn số đến hàng phần nghìn thì số x là:

A. $4,739$

B. $4,7385$

C. $4,74$

D. $4,738$

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài 1. (1,0 đ) (TH) So sánh hai phân số $-\frac{3}{8}$ và $-\frac{4}{9}$

Bài 2. (2,0 đ) Tính (tính hợp lý có thể)

a) (0,5) (TH) $\frac{2}{5} + \frac{3}{5} : \frac{-2}{10}$

b) (0,5) (TH) $\frac{8}{14} + \frac{5}{14} \cdot \frac{4}{13} - \frac{17}{13} \cdot \frac{5}{14}$

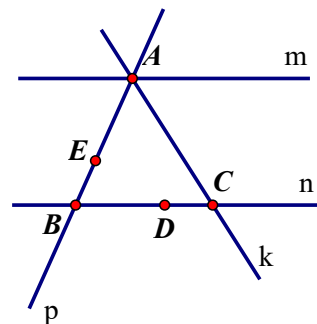
c) (1,0) (VD) $\left(\frac{7}{20} + \frac{8}{15}\right) - \left(\frac{27}{20} - \frac{7}{15} + \frac{-3}{5}\right)$

Bài 3. (1,0 đ) (VD) Lớp 6A có 40 học sinh. Cuối năm, số học sinh Giỏi chiếm $\frac{3}{5}$ số học sinh cả lớp, còn lại là học sinh Khá. Tính số học sinh Giỏi, Khá lớp 6A.

Bài 4. (1,0 đ) (VDC) Trên một khu đất hình chữ nhật. Người ta sử dụng $\frac{7}{12}$ diện tích khu đất đó để trồng cây và diện tích còn lại để đào ao là 50 m^2 . Tính diện tích khu đất.

Bài 5. (1,0 đ) (NB) Cho hình vẽ:

- a) Những điểm nào thuộc đường thẳng p, những điểm nào không thuộc đường thẳng p.
- b) Những đường thẳng nào chứa điểm A, điểm B, điểm C, điểm D, điểm E.



Bài 6. (1,0 đ) (TH)

- a) Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình thang cân ABCD (đáy AB, CD)
- b) Hãy tìm điểm O là tâm đối xứng của hình bình hành MNPQ.

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
1	Phân số (16 tiết)	Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số	2 (TN9 ,12) 0,5đ			1 (TL1) 0,5đ					65
		Các phép tính với phân số			4 (TN1 ,2,3,4) 1,0đ	2 (TL2 a, b) 1,5đ		2 (TL2 c TL3) 2,0đ		1 (TL4) 1,0đ	
2	Tính đối xứng của hình phẳng	Hình có trục	1 (TN5) 0,25đ	1 (TL6 a) 0,5đ							17,5

	trong thế giới tự nhiên (9 tiết)	đối xứng									
		Hình có tâm đối xứng	1 (TN6) 0,25đ	1 (TL6 b) 0,5đ							
		Vai trò của đối xứng trong thế giới tự nhiên	1 (TN7) 0,25đ								
3	Các hình hình học cơ bản (7 tiết)	Điểm, đườn g thẳng, tia	3 (TN8 ,10,1 1) 0,75đ	1 (TL5) 1đ						17,5	
Tổng số câu			8	3	4	2		2		1	20
Tổng điểm			2,0	2,0	1,0	2,0		2,0		1,0	10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023

Môn: TOÁN – Lớp 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây :

Câu 1. (TH) Cho $x + \frac{1}{14} = \frac{5}{7}$. Kết quả giá trị x là:

- A. $\frac{9}{14}$ B. $\frac{1}{14}$ C. $\frac{11}{14}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 2. (TH) Cho $\frac{13}{25} : x = \frac{5}{26}$. Kết quả giá trị x là :

- A. $\frac{2}{5}$ B. $\frac{338}{125}$ C. $\frac{5}{2}$ D. $\frac{125}{338}$

Câu 3. (TH) $\frac{2}{3}$ của 45 cái kẹo là:

- A. 30 cái kẹo B. 36 cái kẹo C. 15 cái kẹo
D. 18 cái kẹo

Câu 4. (TH) Biết $\frac{3}{5}$ số học sinh giỏi của lớp 6A là 12 học sinh. Hỏi lớp 6A có bao nhiêu học sinh giỏi?

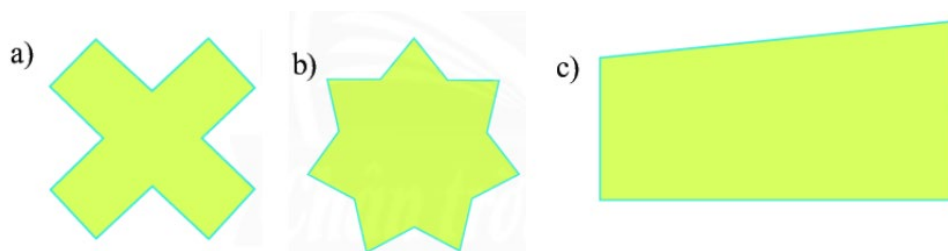
- A. 12 học sinh giỏi
B. 15 học sinh giỏi
C. 14 học sinh giỏi
D. 20 học sinh giỏi

Câu 5. (NB) Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng ?



- A. Hình a), Hình b), Hình c) C. Cả 4 hình trên
B. Hình a), Hình c), Hình d) D. Hình b), Hình c), Hình d)

Câu 6. (NB) Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng

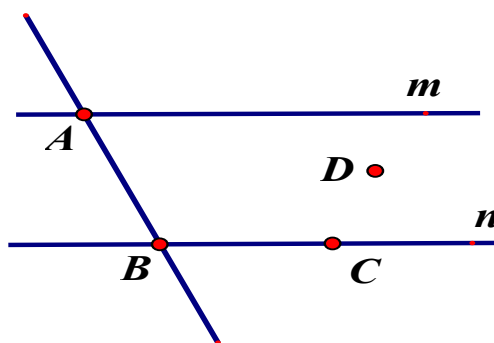


- A. Hình a) B. Hình b) C. Cả 3 hình trên D. Hình c)

Câu 7. (NB) Hình không có tâm đối xứng là:

- A. Hình tam giác
B. Hình chữ nhật
C. Hình vuông
D. Hình lục giác đều

Câu 8. (NB) Cho hình vẽ sau.



Đường thẳng n đi qua điểm nào?

- A. Điểm A B. Điểm B và điểm C
C. Điểm B và điểm D D. Điểm D và điểm C

Câu 9: Số đối của phân số $\frac{20}{9}$ là:

- A. $\frac{-20}{9}$ C. $-\frac{20}{9}$
B. $\frac{20}{-9}$ D. Cả 3 đáp án trên

Câu 10: Trong các chữ cái dưới đây, chữ cái có trục đối xứng?

A F G Z

A. Chữ F

B. Chữ A

C. Chữ G

D. Chữ Z

Câu 11: Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau :

Qua 2 điểm C và D phân biệt ta vẽ được :

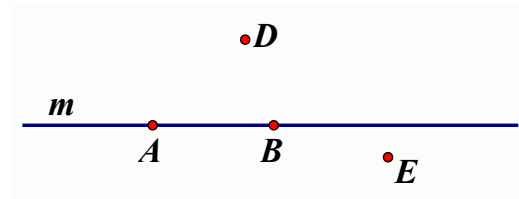
A. Không có đường thẳng nào

B. Chỉ có 1 đường thẳng

C. Vô số đường thẳng

D. Có 2 đường thẳng

Câu 12: Cho hình vẽ. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:



A. $D \in m$ B. $E \in m$ C. $A \in m$

D. $B \notin m$

Phần 2. Tự luận (7 điểm)

Bài 1. (0,5 đ) **(TH)** So sánh hai phân số : $\frac{-7}{18}$ và $\frac{5}{-12}$

Bài 2. (2,5 đ) Tính :

a) **(TH)** $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : \left(\frac{-2}{3}\right)$

b) **(TH)** b) $\frac{4}{11} \cdot \frac{-2}{7} + \frac{4}{11} \cdot \frac{-4}{7} + \frac{4}{11} \cdot \frac{-1}{7}$

c) **(VD)** $\left(\frac{12}{15} - \frac{9}{12}\right) - \left(\frac{12}{15} + \frac{3}{12}\right)$

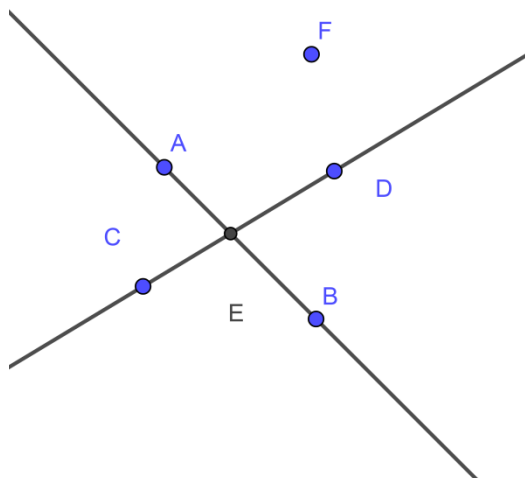
Bài 3. (1đ) **(VD)** Bác nông dân thu hoạch 200 kg cà chua. Bác đem bán $\frac{3}{5}$ số cà chua đó. Hỏi bác nông dân còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cà chua?

Bài 4. (1đ) **(VDC)** Bạn Minh đọc một quyển truyện hết 3 ngày, ngày thứ nhất đọc được $\frac{2}{5}$ số trang của quyển truyện, ngày thứ hai đọc được $\frac{3}{4}$ số trang còn lại, ngày thứ ba đọc tiếp 75 trang thì hết quyển truyện.

a) Hỏi quyển truyện có bao nhiêu trang ?

b) Tính số trang bạn Minh đọc được trong ngày thứ nhất và ngày thứ hai ?

Bài 5. (1đ) **(NB)** Cho hình vẽ



- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm A và B.

Bài 6. (1đ) **(NB)** Cho hình vẽ :

- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình chữ nhật DEFG.
- Hãy tìm O là tâm đối xứng của hình bình hành ABCD

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM

1.A	2.B	3.A	4.D	5.B	6.A	7.A	8.B	9.D	10.A	11.B	12.C
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------

1.A	2.A	3.C	4.B	5.D	6.C	7.D	8.C	9.A	10.B	11.C	12.B
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------

Phần II: Tự luận (7,0 điểm)

Bài 1: a)

$$\frac{-7}{18} = \frac{-7.2}{18.2} = \frac{-14}{36}$$

$$\frac{5}{-12} = \frac{-5}{12} = \frac{-5.3}{12.3} = \frac{-15}{36}$$

$$\text{Vì } \frac{-14}{36} > \frac{-15}{36} \text{ nên } \frac{-7}{18} > \frac{5}{-12}.$$

Bài 2: a) $\frac{3}{4} + \frac{1}{4} : \left(\frac{-2}{3}\right) = \frac{3}{4} + \frac{1}{4} \cdot \left(\frac{-3}{2}\right) = \frac{3}{8}$

b) $\frac{4}{11} \cdot \frac{-2}{7} + \frac{4}{11} \cdot \frac{-4}{7} + \frac{4}{11} \cdot \frac{-1}{7} = \frac{4}{11} \cdot \left(\frac{-2}{7} + \frac{-4}{7} + \frac{-1}{7}\right) = \frac{4}{11} \cdot (-1) = \frac{-4}{11}$

c) $\left(\frac{12}{15} - \frac{9}{12}\right) - \left(\frac{12}{15} + \frac{3}{12}\right) = \frac{12}{15} - \frac{9}{12} - \frac{12}{15} - \frac{3}{12}$
 $= \frac{12}{15} - \frac{12}{15} - \frac{9}{12} - \frac{3}{12} = 0 - \frac{12}{12} = -1$

Bài 3: a) Số kg cà chua bác đem bán: 120 (kg)

Số kg cà chua còn lại: $200 - 80 = 120$ (kg)

Bài 4: a) Phân số chỉ số trang còn lại sau ngày đọc thứ 1 là : $1 - \frac{2}{5} = \frac{3}{5}$ (Số trang)

Phân số chỉ số trang đọc được của ngày thứ 2 là : $\frac{3}{4} \cdot \frac{3}{5} = \frac{9}{20}$ (Số trang)

Phân số chỉ số trang đọc được của ngày thứ 3 là : $1 - \left(\frac{2}{5} + \frac{9}{20}\right) = \frac{3}{20}$ (Số trang)

Số trang của quyển truyện là : $75 : \frac{3}{20} = 500$ (trang)

b) Số trang bạn Minh đọc được trong ngày thứ 1 là : $500 \cdot \frac{2}{5} = 200$ (trang)

Số trang bạn Minh đọc được trong ngày thứ 2 là : $500 \cdot \frac{9}{20} = 225$ (trang)

Bài 5: a) A, E, B

b) C, E, F

C) điểm E nằm giữa 2 điểm A và B

Bài 5: a) 0,5đ

b) 0,5đ

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề kiểm tra có 03 trang)

I/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (3 điểm) Chọn đáp án đúng nhất

Câu 1: (NB) Kết quả của phép tính: $\frac{5}{4} + \frac{5}{2}$ là:

- A. $\frac{25}{8}$ B. $\frac{22}{10}$ C. $\frac{15}{4}$ D. $\frac{11}{4}$

Câu 2. (TH) Cho $x + \frac{3}{5} = \frac{-1}{3}$. Kết quả giá trị x là:

- A. $\frac{14}{15}$ B. $\frac{-14}{15}$ C. $\frac{4}{15}$ D. $\frac{-4}{15}$

Câu 3. (TH) Cho $\frac{1}{3} \cdot x = \frac{8}{3}$. Kết quả giá trị x là :

- A. 4 B. 7 C. 8 D. $\frac{7}{3}$

Câu 4. (TH) $\frac{2}{5}$ của 30 trang sách là:

- A. 10 trang B. 12 trang C. 15 trang D. 20 trang

Câu 5. (TH) Tìm một số biết $\frac{2}{3}$ của nó là 12

- A. Số đó là 8 B. Số đó là 15 C. Số đó là 16 D. Số đó là 18

Câu 6. (NB) Hình nào không có trục đối xứng?

- A. Hình thoi. B. Hình vuông.
C. Hình thang cân. D. Hình bình hành.

Câu 7. (NB) Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- A. Hình 1 và hình 3 B. Hình 1 và hình 2.
C. Hình 2 và hình 3. D. Hình 1, hình 2, và hình 3.

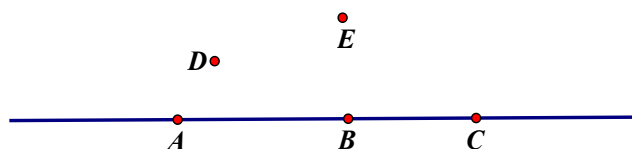
Câu 8: (NB) Chọn khẳng định SAI:

- A. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.
- B. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.
- C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư
- D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

Câu 9: (NB) Tính đối xứng giúp cho sự vật

- A. Cân bằng , vững chắc.
- B. Hài hòa.
- C. Đẹp mắt.
- D. Cả 3 câu A,B,C.

Câu 10. (NB) Trong hình sau, 3 điểm thẳng hàng là:



- A) Điểm D, điểm E, điểm A,
- C) Điểm A, điểm B, điểm D

- B) Điểm A, điểm B, điểm C,
- D) Điểm A, điểm D, điểm C.

Câu 11. (NB) Cho hình vẽ sau:



Chọn đáp án sai.

- A. Điểm B nằm giữa A và C
- B. Điểm B nằm giữa A và D
- C. Điểm C nằm giữa A và B
- D. Điểm C nằm giữa D và A.

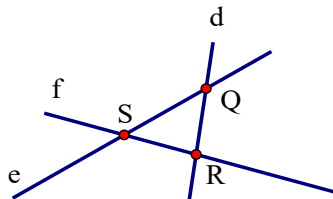
Câu 12. (NB) Trong hình sau, đường thẳng f không chứa điểm nào?

A. Điểm R

B. Điểm Q

C. Điểm S

D. Cả 3 điểm R, Q, S



II/ TỰ LUẬN : (7 điểm)

Bài 1. (1,0 điểm) So sánh hai phân số sau: $\frac{-12}{5}$ và $\frac{-8}{3}$

Bài 2. (2,0 đ) Tính :

a/(TH) $\frac{4}{9} - \frac{5}{-6} + \frac{-5}{3}$

b/ (TH) $\frac{12}{7} + \frac{-6}{5} + \frac{9}{7} + \frac{16}{5}$

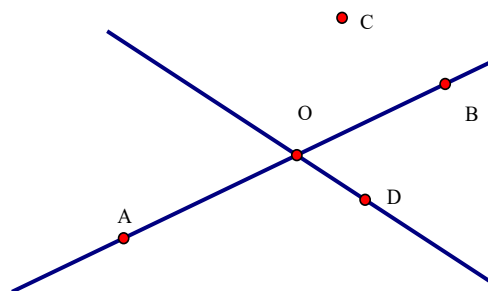
c/ (VD) $\frac{5}{9} \cdot \frac{4}{11} + \frac{5}{9} \cdot \frac{26}{11} - \frac{5}{9} \cdot \frac{3}{11}$

Bài 3. (1đ) (VD) Lan có 24 viên bi . Lan cho em $\frac{5}{8}$ số viên bi. Hỏi Lan còn bao nhiêu viên bi?

Bài 4: (1đ) (VDC) Bạn Bình đọc hết một cuốn truyện trong ba ngày . Ngày thứ nhất Bình đọc được $\frac{4}{15}$ cuốn truyện , ngày thứ hai đọc được $\frac{2}{5}$ cuốn truyện , ngày thứ ba Bình đọc nốt 40 trang còn lại .Hỏi cuốn truyện mà Bình đọc có bao nhiêu trang?

Bài 5. (NB) (1,0 điểm) Cho hình vẽ sau

- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm A và B.
- Viết tên một tia gốc O .



Bài 6. (1đ) (NB)

a) Hãy vẽ hình chữ nhật EFGH rồi vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình chữ nhật đó

b) Hãy vẽ hình bình hành ABCD và tìm điểm I là tâm đối xứng của hình bình hành đó.

---HẾT---

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (3 điểm)

Mỗi câu TN trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	C	B	D	D	C	D	D	B	C	B

II/ TỰ LUẬN : (7 điểm)

Bài 1. (1,0 điểm) So sánh hai phân số sau: $\frac{-12}{5}$ và $\frac{-8}{3}$

- Qui đồng MS 2 phân số 0,5

- Vì nên $\frac{-12}{5} > \frac{-8}{3}$ 0,5

Bài 2. (2,0 đ) Tính :

$$\begin{aligned} \text{a/ (TH)} \quad \frac{4}{9} - \frac{5}{-6} + \frac{-5}{3} & \quad 0,5 \\ &= \text{qui đồng 3 phân số} \quad 0,25 \\ &= \frac{-7}{18} \quad 0,25 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b/ (TH)} \quad \frac{12}{7} + \frac{-6}{5} + \frac{9}{7} + \frac{16}{5} & \quad 0,5 \\ &= \frac{12}{7} + \frac{9}{7} + \frac{-6}{5} + \frac{16}{5} \quad 0,25 \\ &= 5 \quad 0,25 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{c/ (VD)} \quad \frac{5}{9} \cdot \frac{4}{11} + \frac{5}{9} \cdot \frac{26}{11} - \frac{5}{9} \cdot \frac{3}{11} & \quad 1,0 \\ &= \frac{5}{9} \cdot (\dots\dots\dots) \quad 0,5 \\ &= \frac{5}{9} \cdot \frac{27}{11} \quad 0,25 \\ &= \frac{15}{11} \quad 0,25 \end{aligned}$$

Bài 3. (1đ) (VD) Lan có 24 viên bi . Lan cho em $\frac{5}{8}$ số viên bi. Hỏi Lan còn bao nhiêu viên bi?

Số viên bi Lan cho em : = 15 viên 0,5

Số viên bi Lan còn : = 9 viên 0,5

Bài 4: (1đ) (VDC) Bạn Bình đọc hết một cuốn truyện trong ba ngày . Ngày thứ nhất Bình đọc được $\frac{4}{15}$ cuốn truyện , ngày thứ hai đọc được $\frac{2}{5}$ cuốn truyện , ngày thứ ba Bình đọc nốt 40 trang còn lại .Hỏi cuốn truyện mà Bình đọc có bao nhiêu trang?

Phân số chỉ phần cuốn truyện Bình đọc trong ngày thứ ba : $\frac{1}{3}$ 0,5

Tổng số trang cuốn truyện : = 120 trang 0,5

Bài 5. (NB) (1,0 điểm) Cho hình vẽ sau

a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.

A,O,B 0,25

b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.

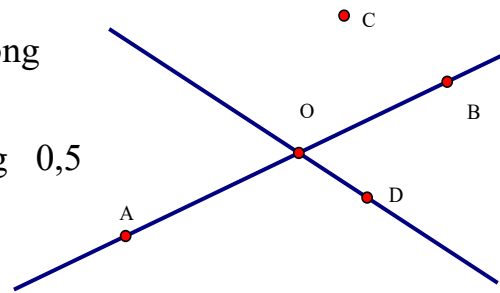
A,O,C 0,25

c) Điểm nào nằm giữa hai điểm A và B.

O nằm giữa A và B 0,25

d) Viết tên một tia gốc O .

Tia OA 0,25



Bài 6. (1đ) (NB)

a) Hãy vẽ hình chữ nhật EFGH rồi vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình chữ nhật đó

Vẽ đúng hình chữ nhật : 0,25 , vẽ d đúng : 0,25

b) Hãy vẽ hình bình hành ABCD và tìm điểm I là tâm đối xứng của hình bình hành đó.

Vẽ đúng hình bình hành : 0,25 , xác định đúng tâm I : 0,25

HẾT

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Câu 7. [NB] Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3

A. Hình 1 và hình 2.

C. Hình 1 và hình 3.

B. Hình 2 và hình 3.

D. Hình 1, hình 2, và hình 3.

Câu 8: (NB) Chọn khẳng định SAI:

A. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.

B. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.

C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư

D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

Câu 9: [TH] Con người đã chế tạo ra chiếc máy bay có hình dạng đối xứng như con vật nào?

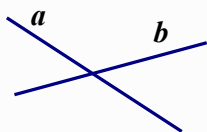
A. Con chim đại bàng.

B. Con chuồn chuồn.

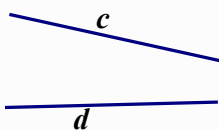
C. Con châu chấu.

D. Con sóc bay.

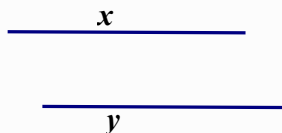
Câu 10. (NB) Cho hình vẽ



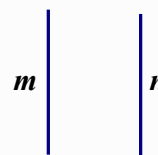
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau :

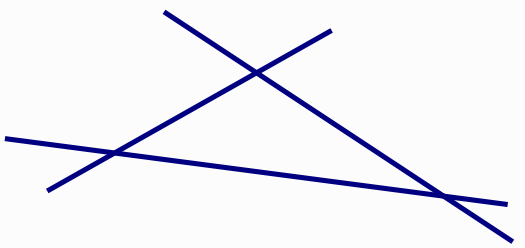
A. Hai đường thẳng a và b song song.

B. Hai đường thẳng c và d song song với nhau.

C. Hai đường thẳng x và y song song với nhau.

D. Hai đường thẳng m và n cắt nhau .

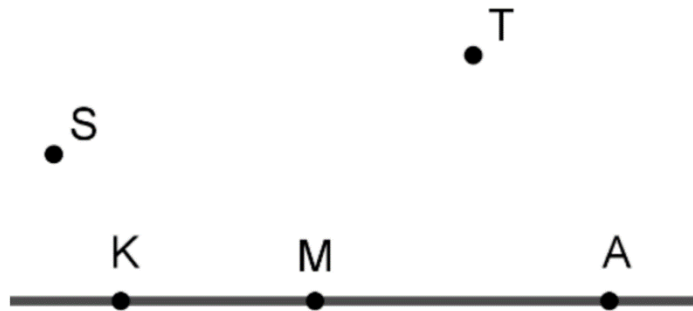
Câu 11. (NB) Cho hình vẽ



Số giao điểm tạo bởi 3 đường thẳng trong hình trên là:

- A. 1 giao điểm B. 3 giao điểm C. 2 giao điểm D. 4 giao điểm

Câu 12. (NB) Chọn nhận xét **đúng**:



- A. Ba điểm K, M, S thẳng hàng
B. Ba điểm T, K, M thẳng hàng
C. Ba điểm K, M, A thẳng hàng
D. Ba điểm A, K, S thẳng hàng

Phần 2. Tự luận (8 điểm)

Bài 1. [TH] (1,0 điểm) [TL1] So sánh hai phân số sau: $\frac{-8}{15}$ và $\frac{-5}{12}$.

Bài 2. (TH)(3,0 đ) Tính :

a/ $\frac{-18}{3} - \frac{10}{15} + \frac{3}{-5}$

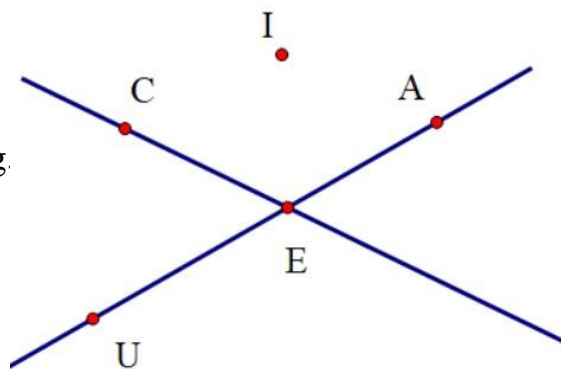
b/ $\frac{14}{21} + \frac{-8}{5} + \frac{7}{21} + \frac{3}{5}$ c/ $\frac{11}{19} \cdot \frac{-10}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-5}{17} + \frac{11}{19} \cdot \frac{-2}{17}$

Bài 3. (1đ) (VD) Bạn Mai có 16 viên bi .Mai cho em $\frac{3}{4}$ số viên bi. Hỏi Mai còn bao nhiêu viên bi?

Bài 4: (1đ) (VDC) Bạn An đọc hết một cuốn sách tại thư viện Trường THCS Phú Mỹ trong ba ngày, biết ngày thứ nhất đọc được $\frac{3}{15}$ tổng số trang. Ngày thứ hai đọc được $\frac{2}{5}$ tổng số trang, ngày thứ ba đọc nốt 120 trang. Hỏi cuốn sách có bao nhiêu trang?

Bài 5. (1,0 điểm)

- a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng.
- b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- c) Điểm nào nằm giữa hai điểm A và U.
- d) Viết tên một tia có điểm gốc E.



Bài 6. (1đ) (NB)

- a) Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của tam giác đều ABC
- b) Hãy vẽ hình chữ nhật ABCD và tìm điểm I là tâm đối xứng của hình chữ nhật ABCD.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan

Mỗi câu TN trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	A	C	C	B	B	D	B	C	B	C

Phần 2. Tự luận

Bài	Câu	Nội dung	Điểm
1 (1đ)		$\frac{-8}{15} \text{ và } \frac{-5}{12}.$ $\text{MSC}=60$ $\frac{-8}{15} = \frac{-8.4}{15.4} = \frac{-32}{60}$ $\frac{-5}{12} = \frac{-5.5}{12.5} = \frac{-25}{60}$ $\text{Vi } \frac{-32}{60} < \frac{-25}{60} \quad \text{nên } \frac{-8}{15} < \frac{-5}{12}$	 0,25đ 0,25đ 0,5đ
2 (2đ)			
	(0,5đ)	a. $\frac{-18}{3} - \frac{10}{15} + \frac{3}{-5}$ $= \frac{-90}{15} - \frac{10}{15} + \frac{3}{-5}$ $= \frac{-100}{15} + \frac{-9}{15}$ $= \frac{-109}{15}$	 0,25 0,25
	b (0,5đ)	b) $\frac{14}{21} + \frac{-8}{5} + \frac{7}{21} + \frac{3}{5}$ $= \frac{14}{21} + \frac{7}{21} + \frac{-8}{5} + \frac{3}{5}$ $= 1 + (-1) = 0$	0,25đ 0,25đ

6		-Vẽ đúng trục đối xứng -xác định đúng tâm đối xứng	0,5đ 0,5đ
----------	--	---	---------------------

Hết

Thời gian 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây :

Câu 1. Cho $x + \frac{1}{5} = \frac{1}{2}$. Kết quả giá trị x là:

- A. $\frac{7}{10}$ B. $\frac{10}{7}$ C. $\frac{3}{10}$ D. $\frac{-3}{10}$

Câu 2. Cho $\frac{2}{5}x = 1\frac{2}{5}$. Kết quả giá trị x là :

- A. 1 B. $\frac{7}{2}$ C. $\frac{2}{7}$ D. $\frac{2}{5}$

Câu 3. $\frac{9}{10}$ của 90 trang sách là:

- A. 9 trang B. 10 trang C. 81 trang D. 100 trang

Câu 4. Tìm một số biết $\frac{5}{6}$ của nó là 60

- A. Số đó là 72 B. Số đó là 50 C. Số đó là 27 D. Số đó là 6

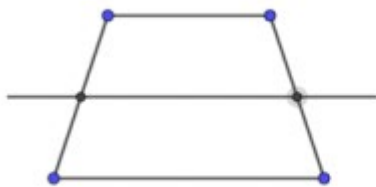
Câu 5. Tính chất nào sau đây không phải tính chất của phép cộng

- A. Tính chất giao hoán C. Cộng với số 0
B. Tính chất kết hợp D. Cộng với số 1

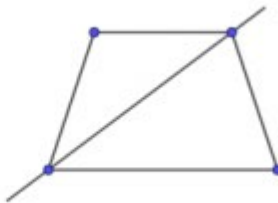
Câu 6: Hình nào dưới đây chỉ ra đúng trục đối xứng của hình thang cân?



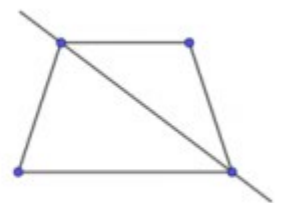
Hình 1



Hình 2



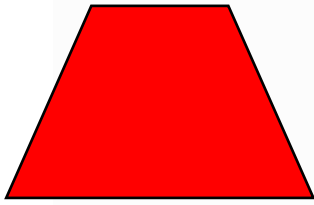
Hình 3



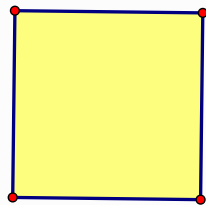
Hình 4

- A. Hình 2 B. Hình 1 C. Hình 4 D. Hình 3

Câu 7. Trong các hình sau, hình nào **không có** tâm đối xứng ?



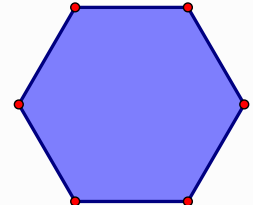
hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

A.Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 8: Trong các hình sau, hình nào **không** có trục đối xứng ?



hình 1



hình 2



hình 3



hình 4

A.Hình 1

B.Hình 2

C.Hình 3

D.Hình 4

Câu 9. Chọn khẳng định SAI:

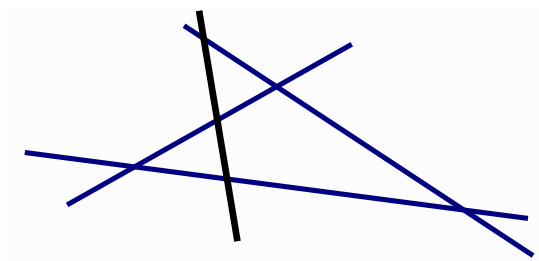
A. Tính đối xứng thường xuất hiện trong thế giới động, thực vật để giúp chúng cân bằng, vững chắc, hài hòa.

B. Tính đối xứng được sử dụng nhiều trong công nghệ chế tạo giúp các vật có tính cân bằng, hài hòa, vững chắc.

C. Tính đối xứng trong hội họa và kiến trúc giúp đem lại cảm hứng cho các họa sĩ và kiến trúc sư

D. Các vật trong tự nhiên đều có tính đối xứng.

Câu 10. Cho hình vẽ



Số giao điểm tạo bởi 4 đường thẳng trong hình trên là:

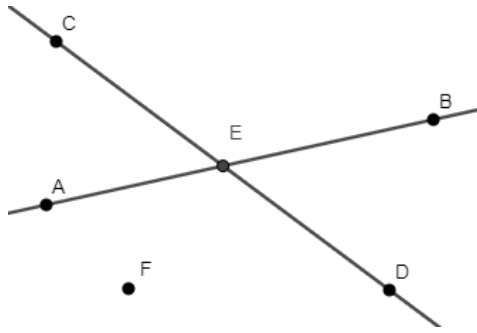
A.3 giao điểm

B. 4 giao điểm

C. 5 giao điểm

D. 6 giao điểm

Câu 11: Cho hình vẽ



Chọn phát biểu SAI:

A. Ba điểm C, E, D thẳng hàng.

B. Ba điểm A, E, B thẳng hàng.

C. Ba điểm C, E, D không thẳng hàng.

D. Ba điểm A, E, F không thẳng hàng.

Câu 12. Cho hình vẽ sau:



Có bao nhiêu điểm nằm giữa N và D?

A.3

B.1

C.2

D.0

Phần 2. Tự luận (7 điểm)

Bài 1. (1đ) So sánh hai phân số : $\frac{-5}{6}$ và $\frac{-9}{4}$

Bài 2. (2đ) Tính hợp lý

a) $\frac{7}{8} + \frac{9}{4} \cdot \frac{-1}{6}$

b) $\frac{-3}{11} \cdot \frac{13}{17} + \frac{13}{17} \cdot \frac{-8}{11}$

c) $\left(\frac{6}{29} - \frac{9}{19}\right) - \left(\frac{10}{19} + \frac{6}{29}\right)$

Bài 3.(1đ) Bạn Mai có 70 viên kẹo. Mai cho em $\frac{3}{10}$ số kẹo của mình. Hỏi Mai còn bao nhiêu viên kẹo?

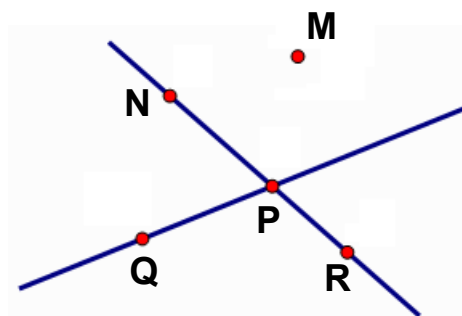
Bài 4.(1đ)

Một cửa hàng bán một số mét vải trong 3 ngày.

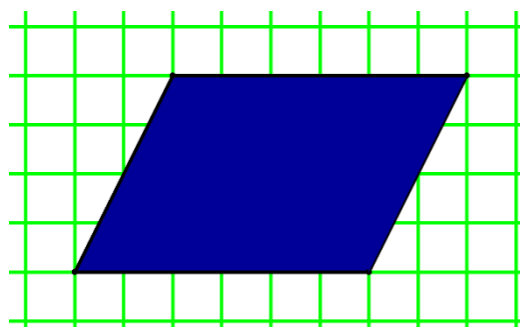
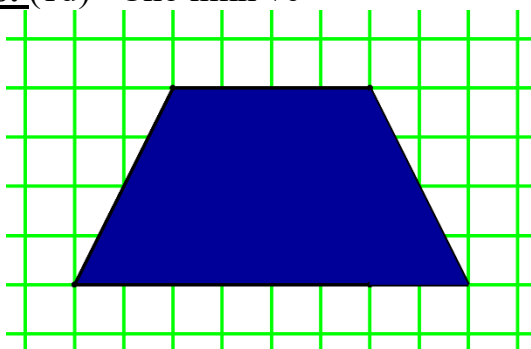
Ngày thứ nhất bán được $\frac{1}{4}$ số mét vải. Ngày thứ hai bán được $\frac{3}{5}$ số vải còn lại. Ngày thứ ba bán hết 60 mét vải cuối cùng. Tính tổng số mét vải của hàng đã bán.

Bài 5. (1đ) Cho hình vẽ

- Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Điểm nào nằm giữa hai điểm N và R.
- Kể tên một tia góc P.



Bài 6. (1đ) Cho hình vẽ



- Hãy vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của hình thang cân.
- Hãy tìm I là tâm đối xứng của hình bình hành.

HẾT

ĐÁP ÁN

Phần 1: Trắc nghiệm (3đ) (Mỗi câu đúng 0,25đ)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	B	C	A	D	B	A	C	D	D	C	C

Phần 2: Tự luận

Bài	Đáp án	Điểm
1	So sánh hai phân số : $\frac{-5}{6}$ và $\frac{-9}{4}$ $\frac{-5}{6} = \frac{-10}{12}$ $\frac{-9}{4} = \frac{-27}{12}$ Vì $-10 > -27$ nên $\frac{-10}{12} > \frac{-27}{12}$ Vì vậy $\frac{-5}{6} > \frac{-9}{4}$	0.25 0.25 0.25 0.25
2	a) $\frac{7}{8} + \frac{9}{4} \cdot \frac{-1}{6}$ $= \frac{7}{8} + \frac{-3}{8}$ $= \frac{4}{8}$ $= \frac{1}{2}$	0.25 0.25
2	b) $\frac{-3}{11} \cdot \frac{13}{17} + \frac{13}{17} \cdot \frac{-8}{11}$ $= \frac{13}{17} \cdot \left(\frac{-3}{11} + \frac{-8}{11} \right)$ $= \frac{13}{17} \cdot (-1)$ $= \frac{-13}{17}$	0.25 0.25 0.25
2	c) $\left(\frac{6}{29} - \frac{9}{19} \right) - \left(\frac{10}{19} + \frac{6}{29} \right)$ $= \frac{6}{29} - \frac{9}{19} - \frac{10}{19} - \frac{6}{29}$ $= \left(\frac{6}{29} - \frac{6}{29} \right) + \left(\frac{-9}{19} + \frac{-10}{19} \right)$	0.25 0.25

	$= 0 + (-1)$ $= -1$	0.25
3	Số viên kẹo Mai cho em là: $70 \cdot \frac{3}{10} = 21 \text{ (viên)}$ Mai còn số viên kẹo là $70 - 21 = 49 \text{ (viên)}$	0.5 0.5
4	Phân số chỉ số mét vải bán ngày thứ hai: $\left(1 - \frac{1}{4}\right) \cdot \frac{3}{5} = \frac{9}{20} \text{ (số mét vải)}$ Phân số chỉ số mét vải bán ngày thứ ba: $1 - \left(\frac{1}{4} + \frac{9}{20}\right) = \frac{3}{10} \text{ (số mét vải)}$ Tổng số mét vải cửa hàng đã bán: $60 : \frac{3}{10} = 200 \text{ (mét)}$	0.5 0.25 0.25
5	a, Kể đúng một bộ ba điểm thẳng hàng . b, Kể đúng một bộ ba điểm không thẳng hàng. c, Điểm P nằm giữa hai điểm N và R. d) Kể đúng tên một tia gốc P.	0.25 0.25 0.25 0.25
6	a, Vẽ đúng đường thẳng d là trục đối xứng của hình thang cân. b) Tìm đúng I là tâm đối xứng của hình bình hành.	0.5 0.5

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
THANH ĐA

(Đề có 02 trang)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN TOÁN LỚP 6

Thời gian 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Phép tính $\frac{-3}{5} + \frac{7}{8}$ có kết quả bằng:

- A. $\frac{11}{40}$ B. $\frac{-11}{40}$ C. $\frac{59}{40}$ D. $\frac{-59}{40}$

Câu 2. Cho: $x - \frac{4}{3} = \frac{-2}{7}$. Kết quả giá trị x là :

- A. $\frac{-34}{21}$ B. $\frac{22}{21}$ C. $\frac{-22}{21}$ D. $\frac{34}{21}$

Câu 3: Phép tính Phép tính $\frac{-8}{3} : \frac{2}{7}$ có kết quả bằng:

- A. $\frac{-16}{6}$ B. $\frac{-56}{6}$ C. $\frac{16}{6}$ D. $\frac{16}{6}$

Câu 4. Tìm $\frac{7}{3}$ của -21.

- A. -49 B. 49 C. 9 D. -9

Câu 5: Tìm một số biết $\frac{5}{7}$ của nó bằng -25?

- A. 35 B. -35 C. 53 D. -53

Câu 6. Hình nào dưới đây có 4 trục đối xứng?

- A. Hình lục giác đều B. Hình vuông
C. Hình chữ nhật D. Hình tròn

Câu 7: Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



a)



b)



c)



d)

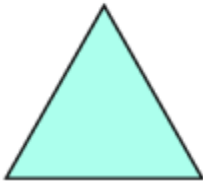
A. Hình a

B. Hình b

C. Hình a, hình b, hình d

D. Cả bốn hình

Câu 8. Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



Tam giác đều

a)



Cánh quạt

b)



Trái tim

c)



Cánh diều

d)

A. Hình a

B. Hình b

C. Hình c

D. Hình d

Câu 9. Hình nào sau đây có tâm đối xứng?



a)



b)

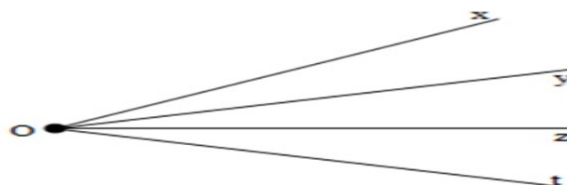
A. Hình ảnh con công

B. Không có hình nào

C. Cả hai hình trên

D. Hình ảnh bông hoa

Câu 10. Kể tên các tia trong hình vẽ sau?



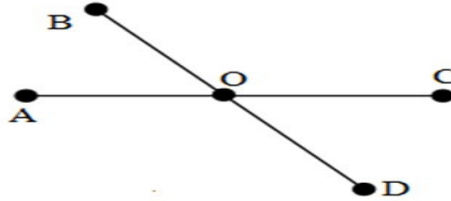
A. Ox

B. Ox, Oy, Oz

C. Ox, Oy, Oz, Ot

D. xO, yO, zO, tO

Câu 11. Kể tên bộ ba điểm thẳng hàng trong hình vẽ dưới đây.



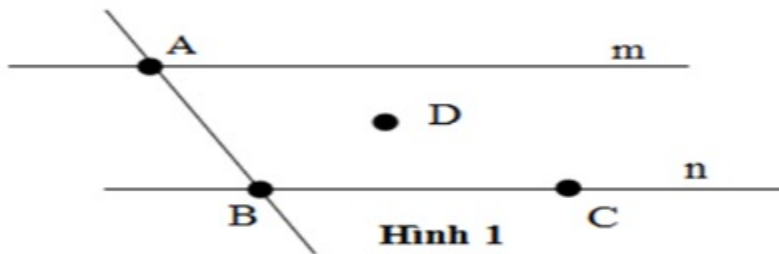
A. A, O, D và B, O, C

B. A, O, B và C, O, D

C. A, O, C và B, O, D

D. A, O, C và B, O, A

Câu 12. Cho Hình vẽ sau:



Chọn câu sai.

A. $A \in m$; $A \in n$

B. $A \notin n$

C. $A \in m$

D. $A \in m$; $A \notin n$

Phần 2. Tự luận (7 điểm)

Bài 1. (1đ) So sánh hai phân số : $\frac{-2}{9}$ và $\frac{8}{-3}$

Bài 2. (3đ) Tính :

a) $\frac{4}{5} + \frac{-1}{9} - \frac{7}{3}$

b) $\frac{9}{-5} + \frac{7}{8} : \frac{7}{4}$

c) $\frac{-3}{17} \cdot \frac{5}{23} + \frac{-3}{17} \cdot \frac{10}{23} + \frac{-3}{17} \cdot \frac{8}{23}$

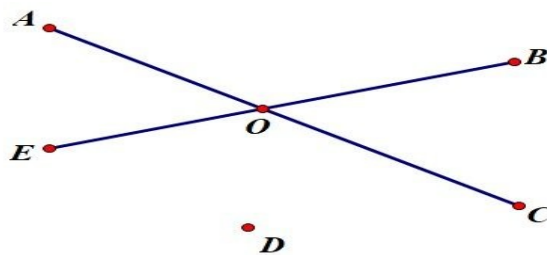
Bài 3. (1đ) Một cửa hàng nhập về 45 kg bột nếp. Cửa hàng đã bán hết $\frac{5}{9}$ số bột nếp

đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam bột nếp?

Bài 4. (1đ) Một người đào một đoạn mương trong 3 ngày. Ngày thứ nhất người đó đào được $\frac{5}{9}$ đoạn mương. Ngày thứ hai người đó đào được $\frac{1}{3}$ đoạn mương. Ngày

thứ ba người đó đào được 18 m. Hỏi độ dài đoạn mương là bao nhiêu?

Bài 5. (1đ) Cho hình vẽ:



- a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- c) Điểm nào nằm giữa hai điểm E và B.
- d) Kể tên một tia gốc E.

Bài 6. (1đ)

- a) Hãy vẽ tất cả đường thẳng là trục đối xứng của hình tam giác đều.
- b) Hãy tìm điểm O là tâm đối xứng của hình thoi.

HẾT

ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II – TOÁN 6 ĐỀ THAM KHẢO

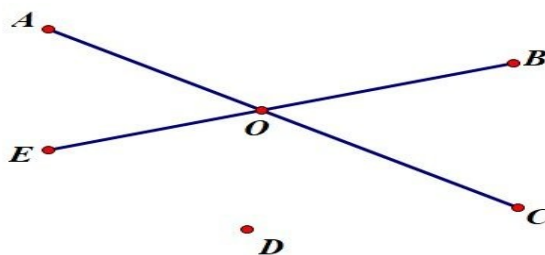
PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	A	B	B	A	B	B	C	B	D	C	C	A

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1. (1đ) So sánh hai phân số : $\frac{-2}{9}$ và $\frac{8}{-3}$	
1	$MSC = BCNN(9,3) = 9$ $\frac{-2}{9} = \frac{-2.1}{9.1} = \frac{-2}{9}$ $\frac{8}{-3} = \frac{-8}{3} = \frac{-8.3}{3.3} = \frac{-24}{9}$ Vì $\frac{-2}{9} > \frac{-24}{9}$ nên $\frac{-2}{9} > \frac{8}{-3}$	0,25 0,25 0,25 0,25
2	Bài 2. (3đ) Tính : a) $\frac{4}{5} + \frac{-1}{9} - \frac{7}{3}$ b) $\frac{9}{-5} + \frac{7}{8} : \frac{7}{4}$ c) $\frac{-3}{17} \cdot \frac{5}{23} + \frac{-3}{17} \cdot \frac{10}{23} + \frac{-3}{17} \cdot \frac{8}{23}$	
2	a) $MSC = BCNN(5,9,3) = 45$ $\frac{4}{5} + \frac{-1}{9} - \frac{7}{3} = \frac{36}{45} + \frac{-5}{45} - \frac{105}{45}$ $= \frac{-74}{45}$	0,25 0,5 0,25
	b) $\frac{9}{-5} + \frac{7}{8} : \frac{7}{4} = \frac{-9}{5} + \frac{7}{8} \cdot \frac{4}{7}$ $= \frac{-9}{5} + \frac{1}{2}$ $= \frac{-18}{10} + \frac{5}{10}$ $= \frac{-13}{10}$	0,25 0,25 0,25 0,25

	c) $\frac{-3}{17} \cdot \frac{5}{23} + \frac{-3}{17} \cdot \frac{10}{23} + \frac{-3}{17} \cdot \frac{8}{23} = \frac{-3}{17} \cdot (\frac{5}{23} + \frac{10}{23} + \frac{8}{23})$ $= \frac{-3}{17} \cdot \frac{23}{23} = \frac{-3}{17} \cdot 1 = \frac{-3}{17}$	0,5
		0,5
3	Bài 3.(1đ) Một cửa hàng nhập về 45 kg bột nếp. Cửa hàng đã bán hết $\frac{5}{9}$ số bột nếp đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam bột nếp?	
3	<u>Giải</u> Số ki-lô-gam bột nếp cửa hàng đã bán là: $45 \cdot \frac{5}{9} = 25 \text{ (kg)}$ Cửa hàng còn lại số ki- lô- gam bột nếp là: $45 - 25 = 20 \text{ (kg)}$	0,5
		0,5
4	Bài 4. (1đ) Một người đào một đoạn mương trong 3 ngày. Ngày thứ nhất người đó đào được $\frac{5}{9}$ đoạn mương. Ngày thứ hai người đó đào được $\frac{1}{3}$ đoạn mương. Ngày thứ ba người đó đào được 18 m. Hỏi độ dài đoạn mương là bao nhiêu?	
4	<u>Giải</u> Phần số chỉ số mét mương người đó đào được ngày thứ ba là: $1 - (\frac{5}{9} + \frac{1}{3}) = \frac{1}{9} \text{ (đoạn mương)}$ Độ dài đoạn mương là: $18 : \frac{1}{9} = 162 \text{ (m)}$	0,5
		0,5
5	Bài 5. (1đ) Cho hình vẽ:	



- a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
- b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
- c) Điểm nào nằm giữa hai điểm E và B.
- d) Kể tên một tia gốc E.

5	a) Một bộ ba điểm thẳng hàng là: A, O, C (hoặc B, O, E) b) Một bộ ba điểm không thẳng hàng là: E, O, D (học sinh có thể lấy các bộ ba điểm không thẳng hàng khác) c) Điểm nằm giữa E và B là: O d) Một tia gốc E là: EO (hoặc EB)	0,25 0,25 0,25 0,25
6	<u>Bài 6.</u> (1đ) a) Hãy vẽ tất cả đường thẳng là trục đối xứng của hình tam giác đều. b) Hãy tìm điểm O là tâm đối xứng của hình thoi.	
6	a) Vẽ đúng 3 trục đối xứng của hình tam giác đều b) Vẽ đúng tâm đối xứng O của hình thoi	0,5 0,5

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (3,0 điểm). Mỗi câu sau đây đều có 4 phương án, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Em hãy viết ra giấy kiểm tra phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. Cho phân số $\frac{-3}{4}$ Hãy chọn câu trả lời đúng

- A. Mẫu số là 4 B. Tử số là 3 C. Tử số là 41 D. Mẫu số là -3

Câu 2. Số đối của $\frac{3}{8}$ là:

- A. $\frac{8}{3}$ B. $\frac{-3}{8}$ C. $-(-\frac{3}{8})$ D. $\frac{-8}{3}$

Câu 3. Nếu ta chia cả tử và mẫu của một phân số với cùng một ... (1)... của chúng thì ta được một phân số mới ... (2)... phân số đã cho.

- A. (1) số ; (2) lớn hơn B. (1) ước chung ; (2) bằng
C. (1) ước chung ; (2) nhỏ hơn D. (1) phân số ; (2) bằng

Câu 4. Cho hỗn số $3\frac{1}{4}$ Hãy chọn câu trả lời đúng.

- A. 3 là phần phân số B. $\frac{1}{4}$ là phần nguyên C. 3 là phần nguyên D. $3\frac{1}{4}$ là phần phân số

Câu 5. Cho $x - \frac{3}{5} = \frac{1}{4}$. Giá trị x tìm được là:

- A. $\frac{7}{20}$ B. $\frac{-17}{20}$ C. $\frac{1}{10}$ D. $\frac{17}{20}$

Câu 6. Cho $\frac{4}{7}x = 2\frac{1}{7}$. Giá trị x tìm được là:

- A. $\frac{15}{4}$ B. $\frac{11}{7}$ C. $\frac{-2}{7}$ D. $\frac{1}{2}$

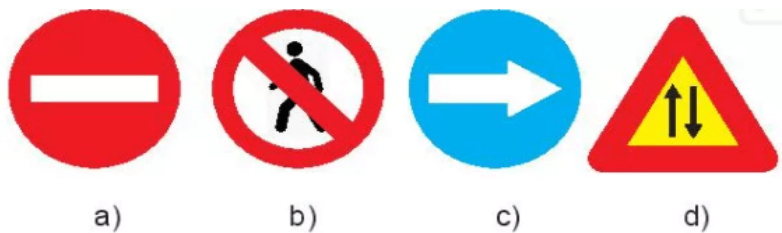
Câu 7. $\frac{4}{5}$ của 45 trang sách là:

- A. 4 trang B. 5 trang C. 36 trang D. 30 trang

Câu 8. Tìm một số biết $\frac{3}{8}$ của nó là 12

- A. Số đó là $\frac{9}{2}$ B. Số đó là 32 C. Số đó là $\frac{93}{8}$ D. Số đó là $\frac{99}{8}$

Câu 9. Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



- A. Hình a B. Hình b C. Hình c D. Hình d

Câu 10. Trong các hình sau hình nào không có trục đối xứng

- A. Hình tròn B. Hình vuông C. Hình bình hành D. Hình thang cân

Câu 11. Khẳng định nào sau đây sai:

- A. Hai đường thẳng không có điểm chung thì song song với nhau.
 B. Hai đường thẳng có điểm chung thì chúng cắt nhau.
 C. Ba điểm thẳng hàng khi ba điểm đó thuộc cùng một đường thẳng.
 D. Hai đường thẳng trùng nhau thì chúng có vô số điểm chung.

Câu 12. Trong các hình sau, hình nào vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng

- A. Hình thang cân B. Hình bình hành C. Hình tam giác D. Hình vuông

Phần 2. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 1. (0,5đ). So sánh hai phân số : $\frac{-3}{4}$ và $\frac{7}{-8}$

Câu 2. (2,5đ). Tính:

a) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-9}{2}\right)$ b) $\frac{3}{10} \cdot \frac{9}{16} + \frac{3}{10} \cdot \frac{7}{16}$ c) $\left(\frac{5}{8} - \frac{21}{25}\right) - \left(\frac{5}{8} + \frac{3}{14} - \frac{21}{25}\right)$

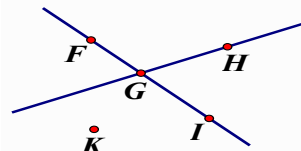
Câu 3. (1,0đ). Bạn Bình có 12 viên bi. Bình cho em $\frac{2}{3}$ số viên bi của mình. Hỏi Bình còn lại bao nhiêu viên bi ?

Câu 4. (1,0đ). Bạn Minh đọc một quyển sách trong ba ngày. Ngày thứ nhất đọc được $\frac{2}{5}$ số trang

của quyển sách, ngày thứ hai đọc được $\frac{5}{8}$ số trang còn lại của quyển sách. Biết ngày thứ ba đọc được 18 trang sách là hết quyển sách. Hỏi quyển sách có bao nhiêu trang?

Câu 5. (1,0đ). Cho hình vẽ

- a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng .
 b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng.
 c) Điểm nào nằm giữa hai điểm F và I.
 d) Kể tên một tia gốc F.



Câu 6. (1,0đ). Cho hình vẽ :

- a) Hãy vẽ tam giác ABC cân tại A và vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của nó.
 b) Hãy vẽ hình bình hành ABCD và vẽ điểm I là tâm đối xứng của nó.

HẾT

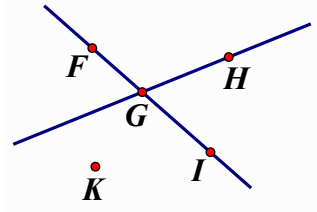
ĐÁP ÁN ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
TOÁN 6 – NĂM HỌC: 2023 – 2024

Phần 1. Trắc nghiệm (3,0đ). Mỗi câu đúng cho 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Cho điểm	A	B	B	C	D	A	C	B	A	C	B	D

Phần 2. Tự luận (7,0đ)

Câu	Đáp án	Cho điểm
1	So sánh hai phân số : $\frac{-3}{4}$ và $\frac{7}{-8}$ $\frac{-3}{4} = \frac{-3.2}{4.2} = \frac{-6}{8} ; \frac{7}{-8} = \frac{-7}{8}$ Vì $\frac{-6}{8} > \frac{-7}{8}$. Nên $\frac{-3}{4} > \frac{7}{-8}$	(0,5đ) 0,25đ 0,25đ
2	Tính : a) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-9}{2}\right)$ b) $\frac{3}{10} \cdot \frac{9}{16} + \frac{3}{10} \cdot \frac{7}{16}$ c) $\left(\frac{5}{8} - \frac{21}{25}\right) - \left(\frac{5}{8} + \frac{3}{14} - \frac{21}{25}\right)$	(2,0đ)
	a) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \left(\frac{-9}{2}\right)$ $= \frac{2}{3} + \frac{-3}{2}$ $= \frac{4}{6} + \frac{-9}{6}$ $= \frac{-5}{6}$	0,5đ 0,25đ 0,25đ
	b) $\frac{3}{10} \cdot \frac{9}{16} + \frac{3}{10} \cdot \frac{7}{16}$ $= \frac{3}{10} \cdot \left(\frac{9}{16} + \frac{7}{16}\right)$ $= \frac{3}{10} \cdot 1$ $= \frac{3}{10}$	0,75đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ

	$\begin{aligned} & \text{c) } \left(\frac{5}{8} - \frac{21}{25} \right) - \left(\frac{5}{8} + \frac{3}{14} - \frac{21}{25} \right) \\ &= \frac{5}{8} - \frac{21}{25} - \frac{5}{8} - \frac{3}{14} + \frac{21}{25} \\ &= \left(\frac{5}{8} - \frac{5}{8} \right) + \left(-\frac{21}{25} + \frac{21}{25} \right) - \frac{3}{14} \\ &= 0 + 0 - \frac{3}{14} \\ &= -\frac{3}{14} \end{aligned}$	0,75đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
3	Bạn Bình có 12 viên bi. Bình cho em $\frac{2}{3}$ số viên bi của mình. Hỏi Bình còn lại bao nhiêu viên bi ? Số viên bi Bình cho em là $12 \cdot \frac{2}{3} = 8 \text{ (viên bi)}$ Số viên bi Bình còn lại là $12 - 8 = 4 \text{ (viên bi)}$	1,0đ 0,5đ 0,5đ
4	Bạn Minh đọc một quyển sách trong ba ngày. Ngày thứ nhất đọc được $\frac{2}{5}$ số trang của quyển sách, ngày thứ hai đọc được $\frac{5}{8}$ số trang còn lại của quyển sách. Biết ngày thứ ba đọc được 18 trang sách là hết quyển sách. Hỏi quyển sách có bao nhiêu trang? Phần số chỉ số trang còn lại của quyển sách $1 - \frac{2}{5} = \frac{3}{5} \text{ (Số trang của quyển sách)}$ Phần số chỉ số trang đọc ngày thứ hai là $\frac{5}{8} \cdot \frac{3}{5} = \frac{3}{8} \text{ (Số trang của quyển sách)}$ Phần số chỉ số trang đọc ngày thứ ba là $1 - \frac{2}{5} - \frac{3}{8} = \frac{9}{40} \text{ (Số trang của quyển sách)}$ Số trang quyển sách có là $18 : \frac{9}{40} = 80 \text{ (trang)}$	1,0đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
5	Cho hình vẽ a) Kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng . b) Kể tên một bộ ba điểm không thẳng hàng. c) Điểm nào nằm giữa hai điểm F và I. d) Kể tên một tia gốc F.	 1,0đ

	Học sinh làm đúng mỗi câu cho 0,25đ	
6	a) Hãy vẽ tam giác ABC cân tại A và vẽ đường thẳng d là trục đối xứng của nó. b) Hãy vẽ hình bình hành ABCD và vẽ điểm I là tâm đối xứng của nó. Học sinh làm đúng mỗi câu cho 0,5đ	1,0đ